

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG THÀNH
TRUONG THANH DEVELOPMENT
AND CONSTRUCTION INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY

Số/No.: 236 /2023/TTA/TB

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Organization name*: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành/ *Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: TTA
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: thôn Nậm Cườm, xã Nậm Bùng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái/ *Nam Cuom village, Nam Bung ward, Van Chan dist., Yen Bai province*
- Điện thoại/ *Telephone*: 02163.897359/ 02462.691699
- Fax: 02163.897.359
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: ông Nguyễn Duy Hưng/ *Mr. Nguyễn Duy Hưng*

Chức vụ/ *Position*: Tổng giám đốc/ *General Manager*

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2022/ *Disclose Annual Report 2022*.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 18/04/2023 tại đường dẫn: <http://www.truongthanhgroup.com.vn>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

-----o0o-----

Yên Bái, ngày 18 tháng 04 năm 2023
Yen Bai, April 18th 2023

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL

This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 18/04/2023, Available at: <http://www.truongthanhgroup.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/

Attachment:

- Báo cáo thường niên năm 2022.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Nguyễn Duy Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG THÀNH
TRUONG THANH DEVELOPMENT AND
CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT
STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 235 /2023/BC-TTA
No: 235 /2023/BC-TTA

Yên Bái, ngày 18 tháng 04 năm 2023
Yen Bai, April 18th 2023

**BÁO CÁO/ANNUAL REPORT
Thường niên năm 2022/ 2022**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

To:

- *The State Securities Commission;*
- *The Ho Chi Minh city Stock Exchange.*

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/*Trading name*: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành/*Truong Thanh Development and Construction Investment Joint Stock Company*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.*: 0102899812 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 31/08/2022/*issued for the 13th change by Department of Planning and Investment of Yen Bai in 31/08/2022*
- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 1.574.629.370.000 đồng/ *VND 1.574.629.370.000*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*: 1.574.629.370.000 đồng/ *VND 1.574.629.370.000*
- Địa chỉ/*Address*: thôn Nậm Cờm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái/*Nam Cuom village, Nam Bung wards, Van Chan district, Yen Bai province*
- Số điện thoại/*Telephone*: (84-293) 897359/ (84-24) 62691699
- Số fax/*Fax*: (84-293) 897359
- Website: www.truongthanhgroup.com.vn/
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*: TTA

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
2008	Thành lập CTCP Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành; Nhận chuyển nhượng dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2.
2010	Quý IV năm 2010: Khởi công đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2, công suất 48 MWp
2015	Quý I năm 2015: Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2, chính thức vận hành.
2016	Quý IV năm 2016: Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A, công suất 8,4 MWp, chính thức vận hành.
2019	- Quý IV/2019: Chính thức vận hành Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bầu Ngủ, công suất 61,776 MWp; - Vốn điều lệ tăng lên 1.350 tỷ đồng.
2020	- Ngày 07/07/2020: Được UBCKNN chấp thuận trở thành Công ty đại chúng; - Ngày 18/08/2020: Được Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn HSX, với mã là TTA; - 04/10/2020: Nhà máy thủy điện Pá Hu chính thức đóng điện và vận hành khai thác tháng đầu tiên; - Ngày 15/12/2020: Trang trại điện năng lượng mặt trời Hồ Núi Một 1, công suất 50 MWp, chính thức vận hành thương mại.
2022	- Ngày 06/08/2022: phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức năm 2020, tăng vốn điều lệ lên 1.457.999.040.000 đồng; - 21/09/2022: niêm yết bổ sung 10.799.904 cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, nâng tổng số cổ phiếu đang lưu hành lên 145.799.904 cổ phiếu.
2022	- Ngày 28/07/2022: phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức năm 2021, tăng vốn điều lệ lên 1.574.629.370.000 đồng; - 21/09/2022: niêm yết bổ sung 11.663.033 cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, nâng tổng số cổ phiếu đang lưu hành lên 157.462.937 cổ phiếu.

- Các sự kiện khác/*Other events*: không có/ *nil*.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Business lines and locations of the business*:

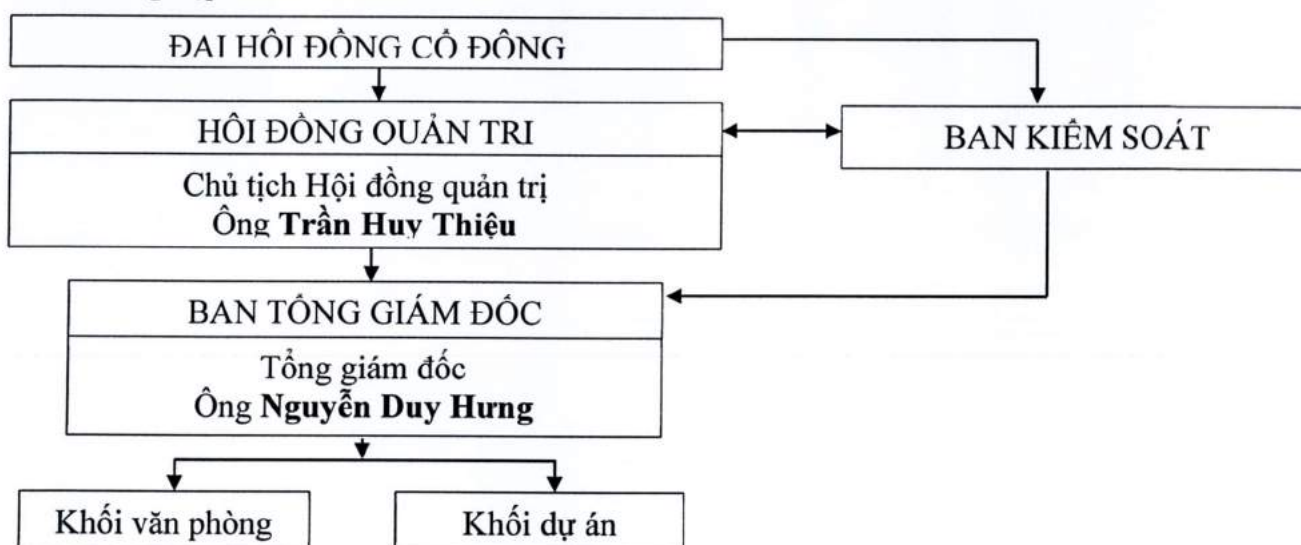
- Ngành nghề kinh doanh/ *Business lines*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt các công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV, trạm biến áp 35 KV	4321
2	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất, vận hành công trình điện năng	3511 (Chính)
3	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Kinh doanh điện năng	3512

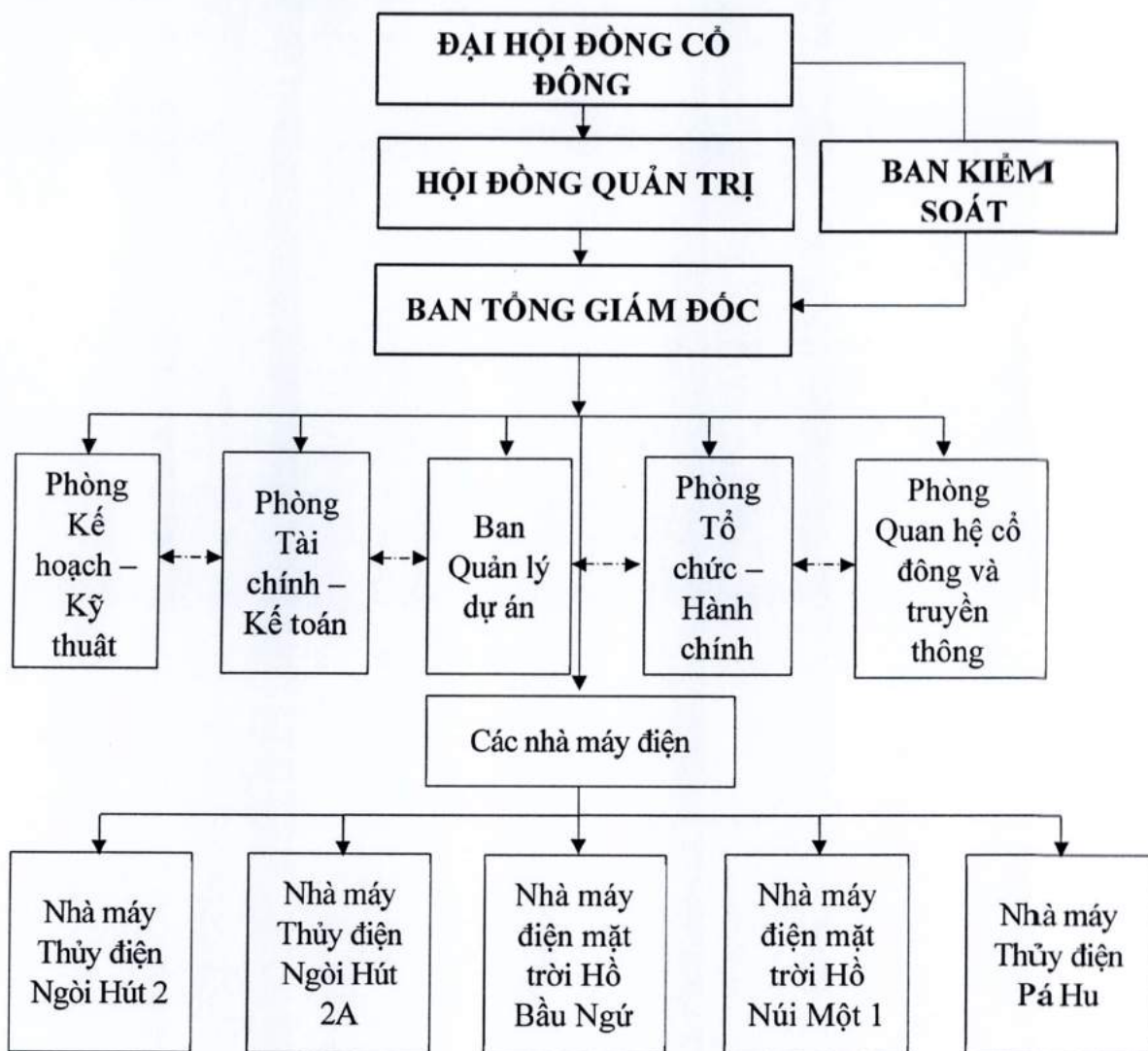
- Địa bàn kinh doanh/ *Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*): tỉnh Yên Bái và tỉnh Ninh Thuận/ *Yen Bai province and Ninh Thuan province*

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/ *Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, và Ban Tổng giám đốc, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp



- Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure.



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết)/ (*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*): không có/ *nil*.

Dự án liên kết: Dự án Nhà máy phong điện Phương Mai 1

Đối tác hợp tác góp vốn: CTCP phong điện Phương Mai

Địa chỉ: Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định

Diện tích: 141,9 ha

Công suất: 26,4 MWp

Tổng mức đầu tư: 1.038 tỷ đồng

Sản lượng điện: 72 triệu KWh/năm

Thời gian bắt đầu vận hành thương mại: tháng 10/2022

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*: trở thành một công ty chuyên nghiệp về năng lượng tái tạo tại Việt Nam, quan tâm định hướng đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động nhưng vẫn lấy hoạt động năng lượng làm cốt lõi, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của đất nước.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*: tập trung vào việc phát triển năng lượng tái tạo, và năng lượng tích năng, đồng thời, tìm kiếm cơ hội và mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác, trong đó, ưu tiên bất động sản và các ngành phụ trợ phục vụ cho ngành năng lượng tái tạo.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*: kế hoạch phát triển kinh tế, cần đi song song với việc phát triển con người, phát triển cộng đồng, và có trách nhiệm hơn với xã hội và môi trường. Chương trình trong ngắn hạn là xây dựng được một hệ thống an sinh xã hội tốt hơn, cải thiện môi trường, điều kiện làm việc và cuộc sống cho cán bộ công nhân viên của Công ty; xây dựng các kế hoạch bảo vệ môi trường, cải tạo rừng và hệ sinh thái xung quanh các nhà máy điện, tiết kiệm và tận dụng các nguồn tài nguyên trong hoạt động sản xuất.

5. Các rủi ro/ Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*.

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, sản xuất và kinh doanh năng lượng, tập trung vào các nguồn năng lượng tái tạo, do đó, các rủi ro chính ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có thể kể đến: các rủi ro về thời tiết; rủi ro về chính sách giá điện và phát triển ngành điện; và rủi ro về gián đoạn vận hành và an toàn lao động.

a) Rủi ro về thời tiết

Thời tiết tác động rất lớn đến hoạt động của các nhà máy sản xuất và hoạt động kinh doanh điện nói chung, đặc biệt với các nguồn năng lượng mà Công ty đang khai thác, bao gồm: thủy điện, điện mặt trời và điện gió.

- Tình hình mưa – khô hạn, quyết định lượng nước dự trữ tại các hồ, sẽ ảnh hưởng đến sản lượng điện của các nhà máy thủy điện: Hoạt động sản xuất điện tại các nhà máy thủy điện dựa vào sức nước làm quay các tuabin, từ đó sinh ra điện năng, do đó, sản lượng điện của các nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước cung cấp. Khi hạn hán xảy ra, lượng nước tích trữ trong hồ giảm sút, không đủ để sản xuất điện theo công suất thiết kế, và dẫn đến giảm sút kết quả kinh doanh, nhưng ngược lại, nếu tần suất mưa lớn kéo dài gây nguy cơ tràn bờ, lũ lụt, cũng có thể gây ra hư hại cho các công trình đập của nhà máy, rủi ro gặp sự cố trong quá trình phát điện và làm tăng chi phí sửa chữa, bảo trì. Ngoài ra, đối với nhà máy thủy điện có dung tích hồ chứa lớn, nếu quá trình thiết kế, xây dựng không đảm bảo hoặc công tác an toàn hồ, đập, phòng chống thiên tai không đảm bảo thì nguy cơ mất an toàn hạ du là rất lớn, có thể ra các hiện tượng lũ quét, xói mòn tự nhiên hoặc động đất, mức độ thiệt hại thường rất lớn và khó có thể khắc phục hoàn toàn. Đây chính là những yếu tố rủi ro lớn chi phối hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà máy thủy điện của Công ty.
- Mức độ bức xạ nhiệt và khoảng thời gian mặt trời chiếu sáng trong ngày ảnh hưởng đến sản lượng điện của các nhà máy điện mặt trời: Hoạt động sản xuất điện tại các nhà máy điện mặt trời là sử dụng bức xạ nhiệt từ ánh sáng mặt trời, thông qua các tấm pin năng lượng mặt trời để chuyển đổi thành điện năng, do đó, bức xạ mặt trời và thời gian chiếu sáng đóng vai trò then chốt trong việc sản xuất điện tại các nhà máy năng lượng mặt trời. Lượng bức xạ mặt trời chiếu trên bề mặt trái đất, chủ yếu, phụ thuộc vào 2 yếu tố: 1 là góc nghiêng của các tia sáng đối với mặt phẳng bề mặt và 2 là độ dài đường đi của các tia sáng trong khí quyển hay nói chung là phụ thuộc vào độ cao của mặt trời. Sự mất mát năng lượng trên quãng đường đi của tia sáng gắn liền với sự tán xạ, hấp thụ bức xạ và phụ thuộc vào thời gian trong ngày, mùa, vị trí địa lý. Như vậy, lượng bức xạ mặt trời phụ thuộc vào từng địa điểm trên mặt đất, và các điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu của địa điểm đó. Các thông số này biến đổi rất phức tạp. Nói đơn giản hơn, khi trời không có nắng hoặc có nắng với bức xạ không đủ mạnh thì tấm pin năng lượng mặt trời sẽ không thể sản sinh ra điện và gây ngừng hoạt động phát điện của nhà máy điện mặt trời.
- Sức gió ảnh hưởng đến sản lượng điện của các nhà máy phong điện: Tương tự như thủy điện, nhà máy điện gió sử dụng sức gió để đẩy cánh quạt, làm quay tuabin bên trong, tạo ra năng lượng chuyển hóa thành dòng điện, cho nên, sản lượng điện phát ra từ các tuabin điện gió phụ thuộc hoàn toàn vào sức gió. Khác so với nước có thể dự trữ được, gió là một yếu tố thiên nhiên không có khả năng dự trữ, có tính bất ổn, và chỉ có thể dự báo để giảm thiểu rủi ro.

b) Rủi ro về chính sách giá mua bán điện và phát triển ngành điện

Từ 01/01/2019 thị trường điện Việt Nam chuyển sang giai đoạn thị trường bán buôn điện cạnh tranh và hiện tại thị trường điện đang nằm trong giai đoạn 1. Do đó, về cơ bản Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vẫn có vị thế độc quyền trong ngành điện với chức năng sản xuất, truyền tải và phân phối điện trên cả nước. Các nhà máy điện thực hiện sản xuất và bán điện theo các quy định

của hợp đồng ký với EVN, thường có thời hạn 20 năm, do đó, phát sinh các rủi ro Liên quan tới chính sách giá của EVN. Một số rủi ro có thể kể đến như sau:

- Sau khi hết thời hạn 20 năm, các nhà máy điện phải ký hợp đồng mới với EVN cùng những điều kiện, điều khoản mới và không có gì đảm bảo rằng những điều kiện, điều khoản mới này sẽ như trong hợp đồng mua bán điện trước đó, đặc biệt khi bên mua điện (EVN) vẫn giữ vị thế độc quyền như hiện nay.
- Giá bán điện được quy định trong các hợp đồng mua bán điện được quy đổi dựa vào tỷ giá trung tâm VND/USD do Ngân hàng Nhà nước ban hành và tỷ giá này sẽ được chốt vào thời điểm mỗi cuối tháng khi bên phát điện xuất hóa đơn cho EVN. Chính vì vậy, sự biến động của tỷ giá trung tâm có tác động nhất định tới doanh thu của các nhà máy điện. Bên cạnh đó, còn rủi ro về tỷ giá trong cơ cấu giá thành bán điện chưa có lộ trình thanh toán rõ ràng mặc dù các văn bản về cơ chế chính sách đã được ban hành như Thông tư 56/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện, đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 13/2017/TT-BCT ngày 03/08/2017.

Tính tới cuối năm 2022, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2022 -2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII) vẫn chưa được Chính phủ phê duyệt, mặc dù đã nhiều lần được Bộ Công thương điều chỉnh và trình Chính phủ. Ban lãnh đạo Công ty đánh giá đây là một rủi ro trong hoạt động phát triển các dự án đang trong quá trình nghiên cứu, thăm dò và đánh giá mức độ tiềm năng, hiệu quả đầu tư của Công ty.

c) Rủi ro về gián đoạn vận hành và an toàn lao động

Quy mô và thời gian đầu tư, xây dựng cho một nhà máy điện thường rất lớn, do đó, rủi ro liên quan đến gián đoạn vận hành và an toàn lao động là không thể tránh khỏi. Bên cạnh đó, các nhà máy điện, hoạt động lâu năm, thường sẽ có rủi ro về gián đoạn vận hành máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất kinh doanh điện năng cao hơn, đặc biệt là đối với các nhà máy thủy điện. Tuy nhiên, các nhà máy điện của Công ty đều là những nhà máy mới đầu tư, việc thi công xây dựng được kiểm soát kỹ lưỡng, cùng với những nhà thầu uy tín thực hiện, đảm bảo độ an toàn cao khi vận hành. Hơn thế nữa, Công ty đều khảo sát kỹ lưỡng, quản lý chặt chẽ các khâu trong quá trình đầu tư, và thi công xây dựng, đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, và quy trình của ngành. Các nhà máy thủy điện đều phải tuân thủ theo quy trình vận hành hồ chứa do Bộ Công Thương ban hành cho từng nhà máy. Những quy trình này được ban hành trên cơ sở đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình thủy điện, chủ động đề phòng mọi bất trắc với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 200 năm và giới hạn mực nước hồ chứa ở mức an toàn tùy thuộc vào thiết kế công trình thủy điện cũng như địa lý của từng khu vực. Nhờ vậy Công ty hạn chế tối đa được rủi ro xả lũ làm ảnh hưởng đến người dân. Ngoài ra, Công ty cũng đầu tư đầy mạnh các hoạt động kiểm tra, giám sát an toàn lao động, tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể cũng như các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động khi làm việc, thực hiện đầy đủ các phương án, biện pháp, kỹ thuật an toàn trước và trong khi sản xuất, đồng thời,

tổ chức cán bộ giám sát kỹ thuật an toàn đầy đủ, đảm bảo hạn chế đến mức tối thiểu sự cố hoặc tai nạn lao động xảy ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*:
Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp, .../ *Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc*:

- Duy trì ổn định hoạt động của 5 nhà máy điện, bao gồm: Nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2, Ngòi Hút 2A, Pá Hu; Nhà máy điện mặt trời Hồ Bầu Ngủ, Hồ Núi Một 1 .
- Hỗ trợ và kết hợp với đối tác để vận hành dự án Nhà máy phong điện Phương Mai 1 có hiệu quả.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

Đơn vị tính giá trị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% Tăng/ Giảm
1	Doanh thu thuần	808.703	661.346	22,28
2	Lợi nhuận gộp	500.432	375.268	33,35
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	239.939	149.853	60,11
5	Lợi nhuận trước thuế	219.806	142.146	54,63
6	Lợi nhuận sau thuế	204.984	133.391	53,67
7	Cổ tức đã trả cho năm 2020	8%	8%	-

(Nguồn: BCTC tổng hợp kiểm toán năm 2022 của CTCP Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*:
So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/ *Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/achievement/excess of the targets and against the preceding years*:

Đơn vị tính giá trị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	% Tăng/ Giảm
-----	----------	-----------------------	----------------------	-----------------

1	Vốn điều lệ	1.574	1.575	-
2	Doanh thu thuần	808	680	18,82
3	Lợi nhuận sau thuế	204	130	56,92
4	Cổ tức	8%	8%	-

(Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 của CTCP Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành)

Do năm 2022, thời tiết “mưa thuận gió hòa” tại các tỉnh khu vực miền Bắc, lượng mưa tại tỉnh Yên Bái luôn duy trì ở mức cao, tạo điều kiện cho các nhà máy thủy điện của Công ty sản xuất hiệu quả. Doanh thu thuần trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các quý đều có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó, đáng chú ý là quý II có doanh thu cao nhất trong nhiều năm trở lại đây, với hơn 237,4 tỷ đồng. Hơn nữa, do duy trì ổn định các chi phí hoạt động nên lợi nhuận sau thuế của Công ty ở mức rất cao so với năm 2021, cụ thể lần lượt là: quý I tăng 86% (tương đương 26,6 tỷ đồng), quý II tăng 66% (tương đương 30,3 tỷ đồng), quý III tăng 81% (tương đương 23,3 tỷ đồng), quý IV tăng 34% (tương đương 9,3 tỷ đồng), vượt xa chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Management*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

STT No.	Tên thành viên ban điều hành <i>Name of member of BoM</i>	Chức vụ <i>Position</i>
1	Nguyễn Duy Hưng <i>Mr. Nguyễn Duy Hưng</i>	Tổng giám đốc <i>General Director</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính: Nam - Ngày sinh: 12/01/1974 - Nơi sinh: Xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định - Số CMND/Hộ chiếu: 162117112 Ngày cấp: 24/03/2010 Nơi cấp: CA Nam Định - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: Xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định - Số điện thoại: 0914.363.295 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc 	

	<ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có - Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.361.960 cổ phần, chiếm 1,5% vốn điều lệ, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> • Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. • Cá nhân sở hữu: 2.361.960 cổ phần, chiếm 1,5% vốn điều lệ. - Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT theo nghị quyết ĐHĐCĐ, và lương theo chính sách của Công ty 		
2	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 60%; padding: 5px;"> Nguyễn Thanh Hà <i>Mr. Nguyễn Thanh Hà</i> </td> <td style="width: 40%; padding: 5px; text-align: center;"> Phó Tổng giám đốc <i>Deputy General Director</i> </td> </tr> </table>	Nguyễn Thanh Hà <i>Mr. Nguyễn Thanh Hà</i>	Phó Tổng giám đốc <i>Deputy General Director</i>
Nguyễn Thanh Hà <i>Mr. Nguyễn Thanh Hà</i>	Phó Tổng giám đốc <i>Deputy General Director</i>		
	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính: Nam - Ngày sinh: 13/03/1977 - Nơi sinh: Thanh Hóa - Số CMND/Hộ chiếu: 011077000022 Cấp ngày: 11/10/2019 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: 1611-CT01- Học viện Quân Y, Yên Xá, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội - Số điện thoại: 0977.130.377 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc - Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không - Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.361.960 cổ phần, chiếm 1,5% vốn điều lệ, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> • Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. • Cá nhân sở hữu: 2.361.960 cổ phần, chiếm 1,5 % vốn điều lệ - Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có 		

	- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT theo nghị quyết ĐHĐCĐ, và lương theo chính sách của Công ty	
3	Trần Huyền Trang <i>Ms. Trần Huyền Trang</i>	Phó Tổng giám đốc <i>Deputy General Director</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính: Nữ - Ngày sinh: 04/11/1987 - Nơi sinh: huyện Yên Châu, Sơn La - Số CMND/Hộ chiếu: 014187002572 Cấp ngày: 10/04/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: Phòng 501, tòa nhà 101, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội - Số điện thoại: 0906041187 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc - Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc công ty TNHH hai thành viên trở lên Cát Phúc - Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ - Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: <ul style="list-style-type: none"> • Ông Trần Huy Đức (bố) sở hữu: 37.208.160 cổ phần, chiếm 23,26% vốn điều lệ; • Bà Nguyễn Thị Ngọc (mẹ) sở hữu: 18.312.480 cổ phần, chiếm 11,63% vốn điều lệ; • Ông Nguyễn Trọng Hải (bố chồng) sở hữu: 3.405 cổ phần, chiếm 0,0021% vốn điều lệ. - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT theo nghị quyết ĐHĐCĐ, và lương theo chính sách của Công ty 	
4	Ông Nguyễn Văn Trường <i>Mr. Nguyễn Văn Trường</i>	Phó Tổng giám đốc <i>Deputy General Director</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính: Nam - Ngày sinh: 25/02/1980 - Nơi sinh: Hoàng Hóa, Thanh Hóa - Số CMND/Hộ chiếu: 038080001090 Cấp ngày: 03/02/2020 	

	<p>Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: Tổ 55, Trương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội - Số điện thoại: 0984650228 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc - Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không - Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 583 cổ phần, chiếm 0,00037% vốn điều lệ - Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: không - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT theo nghị quyết ĐHĐCĐ, và lương theo chính sách của Công ty 	
5	<p>Nguyễn Dũng Hoàng <i>Mr. Nguyễn Dũng Hoàng</i></p>	<p>Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i></p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính: Nam - Ngày sinh: 24/10/1989 - Nơi sinh: Cao Bằng - Số CMND/Hộ chiếu: 004089000027 Cấp ngày: 05/04/2019 <p>Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quốc tịch: Việt Nam - Địa chỉ thường trú: A212, khu Nơ viện KHHS-BCA 283 Khương Trung, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội - Số điện thoại: 0906.124.979 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng - Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không - Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ - Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có 	

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương theo chính sách Công ty
--

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ *(List the changes in the Board of Management in the year)*.
Trong năm 2022, ban điều hành của Công ty hoạt động ổn định, không có xáo trộn về nhân sự.
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies*.

- Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty năm 2022 là: 165 người.
- Trong năm 2022, về cơ bản, Công ty không có thay đổi trong chính sách đối với người lao động, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về người lao động:
 - Chế độ làm việc: đối với khối văn phòng, nhân viên làm 8 tiếng/ngày theo giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7; còn đối với nhân viên kinh doanh và công nhân tại các dự án nhà máy thời gian làm việc được chia theo ca, có thể xin tăng ca với chính sách lương theo luật lao động, mỗi tuần được nghỉ tối thiểu 1 buổi.
 - Chính sách tuyển dụng: việc tuyển dụng nhân sự thực hiện theo Quy trình tuyển dụng đã ban hành. Các ứng viên được tuyển dụng phải đáp ứng được yêu cầu về sức khỏe và kinh nghiệm công tác cũng như các phẩm chất đạo đức theo quy định của mỗi vị trí công việc.
 - Chính sách đào tạo: việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được Công ty luôn chú trọng và ưu tiên. Công tác đào tạo được thực hiện hàng năm, từ đào tạo nội bộ đến việc cử CBCNV tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, tính chuyên nghiệp trong công việc.
 - Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Công ty xây dựng đầy đủ Quy chế tiền lương, Quy chế thi đua khen thưởng, theo đó, người lao động được trả lương, thưởng theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc. Hàng tháng, quý, năm đều có đánh giá để xét trả lương, xét khen thưởng các danh hiệu. Mức lương trung bình hàng tháng của người lao động là 6 triệu đồng/tháng. Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động: Ký hợp đồng lao động, tham gia BHXH, BHYT, BHTN; nghỉ phép, lễ Tết; thai sản, con nhỏ, làm thêm giờ và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật lao động và của Công ty. Ngoài tiền lương và các chế độ phúc lợi theo luật, người lao động còn được hưởng các phúc lợi khác như du lịch hàng năm.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ Investment activities, project implementation*
- a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ

tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/Specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets: không có/ nil.

- b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ (Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies): không có/ nil.

4. Tình hình tài chính/Financial situation

- a) Tình hình tài chính/Financial situation

Đơn vị tính giá trị: triệu đồng

Chỉ tiêu/Indicators	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm/% change
Tổng giá trị tài sản/Total asset	4.753.622	4.596.623	(3,30)
Doanh thu thuần/ Net revenue	661.346	808.703	22,28
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from business activities	149.853	239.939	60,12
Lợi nhuận khác/ Other profits	(7.706)	(20.132)	-
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	142.146	219.806	54,63
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	133.391	204.984	53,67
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio	8%	-	-

- b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial indicators:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú/ Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency Ratio			
Hệ số thanh toán ngắn hạn/ Current Ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	0,37	0,50	-

Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick Ratio</i> : <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> <i>Short term Debt</i>	0,37	0,50	-
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ Capital Structure Ratio</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,63	0,58	-
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)	1,70	1,40	-
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation Capability Ratio</i>			
Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	-	-	-
Vòng quay tổng tài sản/ <i>Total asset turnover</i> : Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/Average Total Assets</i>)	0,14	0,17	-
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability</i>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/Net revenue Ratio</i>)	20,17%	25,35%	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/total capital Ratio</i>)	7,82%	11,15%	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/Total assets Ratio</i>)	2,81%	4,38%	-
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/Net revenue Ratio</i>)	22,66%	29,67%	-

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.*
- a) *Cổ phần/Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường

giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Tổng số cổ phần lưu hành: 157.462.937 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 157.462.937 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ			
1.1	Cổ đông lớn	4	102,409,920	65,04%
1.2	Cổ đông nhỏ	6.238	55.053.017	34,96%
2	Cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân			
2.1	Cổ đông tổ chức	24	37.580.766	24,87%
2.2	Cổ đông cá nhân	6.218	119.882.171	75,13%
3	Cổ đông trong nước, nước ngoài, Nhà nước và cổ đông khác			
3.1	Cổ đông trong nước	6.207	157.033.410	99,73%
3.2	Cổ đông nước ngoài	35	429.527	0,27%
3.3	Cổ đông Nhà nước	0	0	0%
3.4	Cổ đông khác	0	0	0%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 49%.

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/ *Specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

Đơn vị tính giá trị: tỷ đồng

Thời điểm	VĐL trước khi tăng	Giá trị tăng lên	VĐL sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Đối tượng
Năm 2010 Đợt 1	50	242	292	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	Số lượng cổ đông được phân phối: 6
Năm 2014 Đợt 2	292	60	352	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Cổ đông hiện hữu
Năm 2015 Đợt 3	352	346	698	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Cổ đông hiện hữu
Năm 2016 Đợt 4	698	269	967	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Cổ đông hiện hữu
Năm 2019 Đợt 5	967	383	1.350	- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức.	Cổ đông hiện hữu
Năm 2021 Đợt 6	1.350	107	1.457	Phát hành trả cổ tức	Cổ đông hiện hữu
Năm 2022 Đợt 7	1.457	116,63	1.574	Phát hành trả cổ tức	Cổ đông hiện hữu

Vốn điều lệ đầy đủ tăng lên của đợt 6 là: 1.574.629.370.000 đồng.

- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*: không có/ *nil*.
- e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên,

người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues: không có/ nil.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/*Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission: không có/ nil.*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/*Measures and initiatives to reduce GHG emission: không có/ nil.*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials:*

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year: không có/nil.*
- b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization: Nguồn nước sử dụng cho thủy điện, được trả về môi trường sau khi phát điện.*

6.3. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption:*

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly: Công ty không có đánh giá. Năng lượng sử dụng chủ yếu từ hoạt động của các văn phòng và phục vụ sinh hoạt của người lao động tại các nhà máy.*
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy: không có/nil.*
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives: không có/nil.*

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used: Nguồn nước được lấy từ sông suối để phục vụ hoạt động thủy điện. Ngoài ra là nguồn nước sạch để*

phục vụ sinh hoạt của người lao động tại các nhà máy và khối văn phòng. Công ty không thống kê vấn đề này trong năm 2022.

- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused*: tái chế 100% lượng nước.

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection*:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment*: không có/Nil.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment*: không có/Nil.

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees*

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers*.
- Số lượng lao động/ *Number of employees*: 165 người/ 165 employees
 - Mức lương trung bình năm 2022/ *Average wages of workers*: 12.205.000 đồng/người/tháng
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers*.
- Chế độ làm việc: Thời gian làm việc đảm bảo ngày làm 8 tiếng, đối với khối văn phòng: làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7; còn đối với khối sản xuất kinh doanh thời gian làm việc theo ca nhưng đảm bảo làm đủ 8 tiếng/ngày, không làm liên tục quá 8 tiếng (trừ trường hợp xin làm thêm và có sự đồng ý của trưởng ca) và mỗi tuần được nghỉ ít nhất 1 ngày.
 - Chính sách đào tạo: Đào tạo và phát triển nhân viên luôn được Công ty luôn chú trọng và ưu tiên. Công tác đào tạo được thực hiện hàng năm, từ đào tạo nội bộ đến việc cử CBNV tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, tính chuyên nghiệp trong công việc
 - Chế độ lương, thưởng, phụ cấp: Công ty xây dựng đầy đủ Quy chế tiền lương, Quy chế thi đua khen thưởng, và phúc lợi theo đúng quy định của pháp luật, theo đó người lao động được trả lương, thưởng theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc. Hằng tháng, quý, năm đều có đánh giá để xét trả lương, xét khen thưởng các danh hiệu. Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động như: ký hợp đồng lao động, tham gia BHXH, BHYT, BHTN; nghỉ phép, lễ Tết; thai sản, con nhỏ, làm thêm giờ và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật lao động và của Công ty. Ngoài tiền lương và các chế độ phúc lợi theo luật, người lao động còn được hưởng các phúc lợi khác như du lịch hàng năm.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*: hằng năm, Công ty có tổ chức các buổi đào tạo đan xen với giờ làm việc cho người lao động, nhân viên kỹ thuật tại các nhà máy về quy trình làm việc, kỹ thuật điện, và an toàn vệ sinh lao động. Cùng với đó, tại các khối văn phòng, Công ty cũng tổ chức các buổi tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý và nghiệp vụ văn phòng. Công ty không thống kê về số giờ đào tạo trong năm.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development*: trong năm 2022, Công ty không tổ chức chương trình đào tạo chuyên sâu về kỹ năng và nâng cao kiến thức chuyên môn cho người lao động. Tuy nhiên, Công ty cũng luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động có thể tự tham gia các khóa học đào tạo chuyên sâu về nghề nghiệp để có thể phát triển sự nghiệp trong tương lai.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community*.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service*: trong năm 2022, Công ty Trường Thành đã tham gia ủng hộ nhiệt tình các quỹ của địa phương, nơi các nhà máy và văn phòng đại diện Công ty hoạt động như: quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ xã hội-từ thiện, quỹ khuyến học, quỹ chăm sóc người cao tuổi, quỹ vì người nghèo tại các địa bàn hoạt động của Công ty bao gồm tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Yên Bái và phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Ngoài ra, Công ty cũng ủng hộ quỹ phòng chống thiên tai của tỉnh Yên Bái.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Report on green capital market activities under the guidance of the SSC*. Không có/Nil.

Lưu ý/ Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/ *Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports*.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc/ *Reports and assessments of the Board of Management (Ban Tổng giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/ the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

Đánh giá chung:

Nhìn chung, năm 2022 là năm có những thuận lợi nhất định đối với hoạt động sản xuất điện của Trường Thành, trong bối cảnh thời tiết ủng hộ với việc mưa nhiều ở miền Bắc, nơi hoạt động của các nhà máy thủy điện, và nắng nhiều ở miền Trung, nơi có các nhà máy điện mặt trời của Công ty. Tuy nhiên, năm 2022 cũng tồn tại những khó khăn mang tầm vĩ mô của ngành và của nền kinh tế. Nền kinh tế vĩ mô Việt Nam đang trong quá trình phục hồi sau những ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid-19, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới lạm phát cao, các ngân hàng trung ương thắt chặt chính sách tiền tệ, nền sản xuất quốc dân bị ngưng trệ do thiếu vốn, giá cả tất cả các mặt hàng leo thang, nhu cầu tiêu dùng của người dân vì vậy cũng giảm sút. Hơn thế nữa, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch điện VIII), kim chỉ nam cho mọi hoạt động phát triển của ngành điện vẫn đang trong thời gian phê duyệt, chậm hơn 2 năm so với dự kiến, ảnh hưởng lớn tới các kế hoạch phát triển dự án điện của Công ty. Bên cạnh đó, những tồn tại của tình trạng quá tải đường dây truyền tải lưới điện Quốc gia trong năm 2022 vừa qua vẫn còn ít nhiều ảnh hưởng đến sản lượng điện các nhà máy điện mặt trời.

Về công tác quản lý và điều hành của Ban Tổng giám đốc:

Công tác quản lý và điều hành của Ban Tổng giám đốc nhìn chung đã hoàn thành các nhiệm vụ và mục tiêu đã đề ra. Hoạt động quản trị, điều hành quản lý Công ty được đảm bảo Công tác quản lý và điều hành của Ban Tổng giám đốc, nhìn chung, đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đã đề ra. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt việc chỉ đạo các nhà máy điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tận dụng hiệu quả điều kiện thuận lợi, hướng tới đạt và vượt kế hoạch của từng tháng, từng quý; bên cạnh đó, chỉ đạo sát sao các giám đốc nhà máy để kiểm tra, giám sát tình hình duy tu, bảo dưỡng máy móc, cũng như đảm bảo quyền lợi của công nhân, kỹ thuật viên, giúp nhà máy ổn định hoạt động.

Hoạt động tài chính kế toán của Công ty trong năm 2022 được giữ ổn định. Năm 2022, Công ty không triển khai đầu tư thêm dự án mới. Nghiệp vụ mua – bán, giao dịch phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh được bộ phận Kế toán tài chính của Công ty thực hiện hạch toán kế toán thường xuyên, liên tục, đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành, và được lập thành báo cáo hàng quý để tiện cho việc kiểm toán định kỳ của Công ty.

Kết quả Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022:

Đơn vị tính giá trị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	% đạt được
1	Doanh thu thuần	808	680	118,82%
2	Giá vốn hàng bán	308	-	-
3	Lợi nhuận gộp	500	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20,9	-	-
5	Doanh thu tài chính	0,12	-	-
6	Chi phí tài chính	239	-	-
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	239	-	-
8	Thu nhập khác	0,001	-	-
9	Chi phí khác	20	-	-
10	Tổng LN trước thuế	219	-	-
11	Lợi nhuận sau thuế	204	130	157,62%

Năm 2022 được đánh giá là một năm thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Trường Thành, đặc biệt là mảng thủy điện, trong bối cảnh thời tiết thuận lợi, lượng mưa lớn đột biến đổ xuống các tỉnh Tây Bắc bộ, trong đó có tỉnh Yên Bái, nơi đặt các nhà máy thủy điện của Công ty, giúp cho hoạt động thủy điện đạt kết quả cao hơn so với dự kiến. Điều này đóng góp phần lớn vào kết quả tăng trưởng của doanh thu và lợi nhuận của năm 2022.

Đến 31/12/2022, các chỉ tiêu chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành như sau:

Đơn vị tính giá trị: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2022	31/12/2021	% tăng/ giảm
1	Tổng tài sản	4.596.623.241.081	4.753.622.107.818	(3,30%)

2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.915.395.571.532	1.759.967.133.548	8,83%
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	808.703.629.721	661.346.377.050	18,82%
4	Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	500.432.456.102	375.268.183.594	33,35%
5	Lợi nhuận sau thuế	204.984.264.889	133.391.504.610	57,62%

Dự kiến trong năm 2023, Công ty sẽ duy trì hiệu quả hoạt động của 5 nhà máy điện, đồng thời, ban Tổng giám đốc sẽ tiếp tục tìm kiếm thêm và thẩm định sơ bộ các dự án tiềm năng, hoặc các đối tác liên doanh có năng lực và uy tín, để giới thiệu và đề xuất với Hội đồng quản trị xem xét đưa vào kế hoạch phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, và trình Đại hội đồng cổ đông cân nhắc thông qua.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/ *The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Đơn vị tính giá trị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022
A	Tài sản ngắn hạn	159.699	203.064
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	23.910	82.532
II	Các khoản phải thu ngắn hạn	117.524	118.863
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	59.874	68.242
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	53.688	45.577
3	Phải thu ngắn hạn khác	3.960	5.043
III	Tài sản ngắn hạn khác	18.265	1.668
B	Tài sản dài hạn	4.593.922	4.393.559
I	Tài sản cố định	4.435.236	4.240.290
II	Tài sản dở dang dài hạn	41.846	45.742
III	Đầu tư tài chính dài hạn	116.700	107.367
IV	Tài sản dài hạn khác	139	158
	Tổng tài sản	4.753.622	4.596.623

Nhìn chung, tình hình tài sản của Công ty trong năm 2022 không có nhiều biến động so với năm 2021, thể hiện chủ trương duy trì hoạt động ổn định sản xuất kinh doanh của ban lãnh đạo

Công ty trong năm 2022. Năm 2022, dự án liên kết Phong điện Phương Mai 1 báo cáo kết quả kinh doanh lỗ, buộc Công ty phải thực hiện trích lập dự phòng trên 9,33 tỷ đồng.

b) Tình hình nợ phải trả/ *Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Đơn vị tính giá trị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022
I	Nợ ngắn hạn	426.140	404.805
1	Phải trả người bán ngắn hạn	10.813	2.478
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.434	36.859
3	Phải trả người lao động	1.691	4.524
4	Chi phí phải trả ngắn hạn	15.479	13.140
5	Phải trả ngắn hạn khác	19.194	41.679
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	346.189	292.905
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.337	13.218
II	Nợ dài hạn	2.567.514	2.276.421
1	Phải trả người bán dài hạn	375.051	267.510
2	Phải trả dài hạn khác	125.307	125.307
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.067.154	1.883.603
	Tổng nợ phải trả	2.993.654	2.681.227

Năm 2022 là năm ưu tiên cho việc duy trì ổn định các nhà máy của Công ty, ko phát sinh khoản vay nợ mới, trong khi đó các khoản nợ cũ đang trong quá trình trả gốc và lãi cho nên tình hình vay nợ có xu hướng giảm dần so với năm 2021.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*
 - Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty không có khoản nợ quá hạn. Công ty phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào dự án Phong điện Phương Mai 1, trị giá trên 9,3 tỷ đồng.
 - Ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: do việc tính giá bán điện và nhập thiết bị bảo dưỡng từ nước ngoài đều sử dụng đồng đô

la Mỹ (USD), do đó, tỷ giá hối đoái ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí bảo dưỡng cho các nhà máy. Trong năm 2022, Việt Nam đối mặt với cú shock tỷ giá với đồng đô là Mỹ, đã có lúc VNĐ mất gần 9% giá trị so với USD (vào tháng 11/2022), do chính sách thắt chặt tiền tệ, liên tục nâng lãi suất cơ bản của Cục dự trữ liên bang Mỹ - FED, trong những nỗ lực kiềm chế lạm phát tăng cao ở quốc gia này. Tỷ giá tăng khiến cho các chi phí nhập máy móc, thiết bị, phụ tùng bảo dưỡng từ nước ngoài tăng lên, may mắn, hoạt động bảo dưỡng của các nhà máy đã có kế hoạch từ trước, và số lượng nhập mới trong năm tài chính rất thấp, nên biến động trong các chi phí cho hoạt động này là không đáng kể, không ảnh hưởng nhiều tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: năm 2022, Ngân hàng trung ương Việt Nam buộc phải tăng lãi suất, nhằm tránh những rủi ro từ việc tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương thế giới, đặc biệt là Cục dự trữ liên bang Mỹ - FED, khiến cho chi phí lãi vay tăng cao và các dòng vốn đầu tư vào nền kinh tế vĩ mô bị tắc nghẽn. Việc chênh lệch lãi vay thực tế trên thị trường với lãi vay theo các hợp đồng tín dụng trước đó của Công ty với các ngân hàng là một điểm bất lợi đối với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, khi mà lãi vay theo hợp đồng cao hơn vài điểm % so với lãi vay trên thị trường. Ban lãnh đạo Công ty cũng đã nỗ lực đàm phán với các ngân hàng để hạ lãi suất vay phải trả xuống, cho phù hợp với tình hình thực tế, và thu hẹp khoản chênh lệch lại, nhằm đảm bảo quản trị hiệu quả hơn các dòng vốn trong Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, and management.

Trong năm 2022, với chủ trương ổn định hoạt động, tránh những rủi ro từ sự xáo trộn không cần thiết, Công ty không có nhiều thay đổi về mặt cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý. Tuy nhiên, Công ty cũng đang nghiên cứu và xây dựng cơ chế trao đổi thông tin giữa các nhà máy và khối văn phòng, có ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao khả năng và hiệu quả trong hoạt động quản lý, và theo dõi giám sát.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future

Ban lãnh đạo Công ty nhất quán trong việc tập trung phát triển mảng hoạt động cốt lõi của Công ty, đó là năng lượng tái tạo, bên cạnh đó, tiếp tục tìm tòi và nghiên cứu các lĩnh vực khác, nhằm tận dụng các cơ hội tiềm năng trên thị trường. Tại thời điểm hiện tại, mọi kế hoạch phát triển hoạt động trong tương lai đều dựa trên Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2045 (Quy hoạch điện VIII), vẫn chưa được Chính phủ thông qua.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified): Không có/ Nil.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.):* hoạt động của Công ty là sản xuất điện – năng lượng tái tạo, cho nên, lượng phát thải bằng 0, cùng với đó là lượng tiêu thụ nước và năng lượng ít, chủ yếu đến từ khối văn phòng, và sinh hoạt của người lao động tại các nhà máy của Công ty. Công ty cũng luôn tuyên truyền và nâng cao ý thức tiết kiệm điện, nước, bảo vệ môi trường trong cán bộ công nhân viên của Công ty.
- b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Assessment concerning the labor issues:* Công ty luôn quan tâm tới đời sống của người lao động và gia đình của họ, đặc biệt là các công nhân, kỹ sư đang hoạt động trực tiếp tại các nhà máy. Công ty đã xây dựng khu nhà công vụ tại mỗi nhà máy, tổ chức ăn ở và sinh hoạt cho các cán bộ công nhân viên đang công tác tại nhà máy. Bên cạnh đó, ban lãnh đạo cũng đang nghiên cứu, tiến tới xây dựng bộ quy tắc ứng xử và kế hoạch nâng lương, chế độ khen thưởng, nhằm nâng cao đời sống người lao động và khuyến khích họ cống hiến tốt hơn cho sự phát triển của Công ty.
- c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Assessment concerning the corporate responsibility for the local community:* Công ty tham gia tích cực vào việc đóng góp các quỹ của địa phương, nơi mà các nhà máy và văn phòng Công ty hoạt động, bao gồm các quỹ như: quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ xã hội-từ thiện, quỹ khuyến học, quỹ chăm sóc người cao tuổi, quỹ vì người nghèo, ngoài ra, Công ty có đóng góp đáng kể vào quỹ phòng chống thiên tai tại Yên Bái.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty / *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation*

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Năm 2022 là một năm có những biến động mang tầm vĩ mô, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển các dự án năng lượng của Công ty. Thời tiết “mưa thuận gió hòa” là một điểm sáng trong các yếu tố thuận lợi vĩ mô, giúp Lợi nhuận sau thuế luôn giữ được mức tăng trưởng 2 con số ngay từ đầu năm so với năm 2021, cụ thể lần lượt là: quý I tăng 86% (26,6 tỷ đồng), quý II tăng 66% (30,3 tỷ đồng), quý III tăng 81% (23,3 tỷ đồng), quý IV tăng 34% (9,3 tỷ đồng) so với từng quý tương ứng của năm 2021. Tiếp theo phải kể đến sự ổn định chính trị - xã hội của Việt Nam, bất chấp những bất ổn địa chính trị đang diễn ra trên thế giới, tạo tiền đề cho các doanh nghiệp trong nước chủ động hơn trong việc hoạch định phương hướng hoạt động và phát triển trong tương lai. Ngược lại, các khó khăn có thể kể đến như: những tồn tại hạn chế của hệ thống đường

dây truyền tải lưới điện quốc gia, quá trình chờ phê duyệt Quy hoạch điện VIII kéo dài, lại hạn chế việc phát triển các dự án điện năng. Ngoài ra, cuộc xung đột Nga – Ukraine, tình hình chuỗi cung ứng khan hiếm chưa phục hồi, có ảnh hưởng lớn tới giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, khiến lạm phát tăng cao ở nhiều nước trên thế giới. Điều này buộc ngân hàng trung ương các nước phải đẩy lãi suất lên cao nhằm kiềm chế lạm phát, hậu quả là tắc nghẽn dòng vốn đầu tư trong và ngoài nước. Trong năm 2022, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đã chỉ đạo toàn Công ty quyết tâm, tập trung duy trì sự ổn định của hoạt động sản xuất kinh doanh tại các nhà máy, tận dụng tốt các cơ hội, đồng thời, cố gắng hạn chế tối đa những rủi ro, vượt qua mọi khó khăn để thực hiện tốt các nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đã đề ra.

Đánh giá về vận hành các nhà máy: Trong năm 2022 toàn bộ các nhà máy điện của Công ty đều đảm bảo các tiêu chí:

- Nhà máy điện có hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn: Không để xảy ra tai nạn lao động dẫn đến chết người, hư hỏng nặng, cháy nổ thiết bị, máy móc, phương tiện. Công tác vệ sinh môi trường và vệ sinh an toàn lao động được chăm lo và thực hiện tốt tại tất cả các nhà máy.
- Nhà máy điện đạt hiệu quả kinh tế: Các nhà máy luôn trong tình trạng sẵn sàng vận hành theo sự sẵn có của các nguồn năng lượng sơ cấp để duy trì và phát huy công suất, sản lượng điện năng thương phẩm thiết kế của các công trình. Đạt năng suất hiệu suất, giảm tối đa tỷ lệ điện tự dùng và hao phí nguyên, nhiên liệu, dụng cụ, công cụ sản xuất.
- Nhà máy điện hoạt động đúng theo quy định tại các thỏa thuận kỹ thuật với EVN: Toàn bộ các nhà máy điện duy trì hoạt động đầy đủ hệ thống trang thiết bị đầu nối, đặc tính công nghệ sản xuất điện phù hợp với các quy định để đảm bảo vận hành đồng bộ với lưới điện của EVN như tại các Thỏa thuận phương án đấu nối Nhà máy điện vào lưới điện Quốc gia.
- Nhà máy điện tuân thủ hệ thống quy trình, quy phạm kỹ thuật: Toàn bộ cán bộ công nhân viên – Đội ngũ trưởng ca, công nhân vận hành tại các nhà máy điện trong toàn Công ty thực hiện tốt Quy trình phối hợp vận hành Nhà máy điện; Quy trình xử lý sự cố lưới điện khu vực; Quy trình Vận hành – Sửa chữa – Bảo dưỡng thiết bị Nhà máy điện và một số Quy trình vận hành các công trình liên quan khác. Không có phản ánh, đánh giá tiêu cực từ các đối tác điều hành lưới điện như Trung tâm điều độ hệ thống điện, các đơn vị Mua điện. Đã phối hợp tốt với các đơn vị Quản lý vận hành lưới điện của EVN để đảm bảo an toàn vận hành hệ thống điện Quốc Gia.
- Nhà máy điện vận hành sản xuất, kinh doanh đúng theo quy định của Pháp luật.

Đánh giá công tác tài chính kế toán:

- Thực hiện tốt chế độ kế toán tài chính theo quy chuẩn hiện hành, quản lý chặt chẽ tài sản công ty không để xảy ra tình trạng thất thoát trong kế toán, chủ động linh hoạt trong công tác tài chính đảm bảo nguồn vốn đầy đủ cho hoạt động kinh doanh;

- Chấp hành nghiêm chỉnh việc lập và thực hiện báo cáo tài chính theo đúng chuẩn mực kế toán và thực hiện công tác báo cáo và công bố thông tin theo đúng quy chế công bố thông tin nhằm tạo sự minh bạch đối với các cổ đông;
- Xây dựng các biện pháp quản lý tốt và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong quá trình kinh doanh, đầu tư và thực hiện dự án;
- Triển khai tăng cường nhân sự để chủ động trong các công việc liên quan đến công tác tài chính, kế toán, nguồn vốn.

Đánh giá công tác quan hệ cổ đông: Công tác công bố thông tin, cập nhật thông tin tới các cổ đông, công chúng luôn được thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định của pháp luật; bộ phận IR tiếp nhận và xử lý những thắc mắc của cổ đông kịp thời, Công ty không có khiếu nại nào liên quan tới cổ đông trong năm 2022.

Đánh giá về hoạt động đầu tư và tìm kiếm dự án: Trong năm 2022, Công ty tập trung vận hành và ổn định hoạt động 5 nhà máy điện và khảo sát các dự án mới theo nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2022. Do đặc thù Công ty tập trung đầu tư vào mảng cốt lõi là năng lượng tái tạo nên các hoạt động đầu tư dự án mới phụ thuộc vào chủ trương, chính sách của Nhà nước. Cụ thể là các dự án mới hiện nay nằm trong quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2020 – 2030 (quy hoạch điện VIII) mà Chính phủ hiện chưa ban hành. Chính vì vậy, các hoạt động đầu tư chính thức chưa triển khai được mà chỉ nằm ở khâu khảo sát, chuẩn bị và phối hợp làm việc với các đơn vị tư vấn để sẵn sàng triển khai khi quy hoạch VIII được ban hành.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội: Với tâm niệm: phát triển năng lượng tái tạo – năng lượng xanh là bảo vệ môi trường, giảm thiểu khí thải, hiệu ứng nhà kính, góp phần giúp Đất nước hướng tới một nền kinh tế xanh, ban lãnh đạo Công ty cũng không ngừng thực hiện trách nhiệm của mình đối với môi trường và xã hội. Trong năm 2022, Công ty luôn thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan tới hoạt động cốt lõi của Công ty, phát triển và sản xuất năng lượng tái tạo, và được các doanh nghiệp/đơn vị bạn hàng, đối tác đánh giá cao về uy tín và tính hiệu quả trong công việc. Công ty cũng luôn quan tâm tới việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động và gia đình họ, đồng thời, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của cộng đồng địa phương tại nơi mà Công ty hoạt động và xã hội nói chung.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty/ Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*

Trong năm 2022, Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hướng tới mục tiêu mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã đề ra. Những công việc Ban Tổng giám đốc đã thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch và phương án tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ;

- Giám sát việc thực hiện các chiến lược kinh doanh để đảm bảo hiệu quả tài chính và chi phí hiệu quả cho doanh nghiệp;
- Báo cáo kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính cho Hội đồng quản trị; và có ý kiến cố vấn cho HĐQT trong việc hoạch định các chiến lược trung và dài hạn của Công ty.
- Thực hiện tốt các chỉ đạo và định hướng của HĐQT, căn cứ trên các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã đề ra;
- Xây dựng và quản lý tốt cơ cấu hoạt động các phòng/ban/đơn vị trong đơn vị;
- Xây dựng và duy trì tốt mối quan hệ giữa Công ty với các đối tác, EVN và với cổ đông Công ty.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans and orientations of the Board of Directors*

- Về cơ cấu nhân sự: Năm 2023, HĐQT sẽ tiến hành bầu nhiệm kỳ mới, và ưu tiên sự ổn định và tinh gọn trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty, do vậy, HĐQT cũng có kế hoạch đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc giảm số lượng thành viên từ 8 thành viên xuống còn 5 thành viên trong nhiệm kỳ 2023 – 2028, và mong muốn có sự góp mặt của các thành viên HĐQT cũ, nhằm tránh rủi ro xáo trộn trong hoạt động quản trị Công ty, và đảm bảo cơ cấu giữa thành viên HĐQT điều hành, không điều hành, và độc lập theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Vốn điều lệ	Đồng	1.575.000.000.000
2	Doanh thu thuần	Đồng	680.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	130.000.000.000
4	Cổ tức	%	8%

- Định hướng hoạt động:
 - Tiếp tục kiện toàn và sắp xếp bộ máy hoạt động của Công ty, chi nhánh và các nhà máy:
 - Ổn định bộ máy quản lý và làm việc tại Công ty, bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, và các phòng/ban chuyên môn;
 - Nghiên cứu cơ chế thu thập và cung cấp thông tin từ nhà máy, chi nhánh về Công ty và ngược lại, nhằm đảm bảo mọi thông tin được cung cấp thuận lợi, thông suốt và kịp thời nhất, tạo điều kiện cho việc quản lý Công ty và vận hành các nhà máy; bên cạnh đó, nghiên cứu các giải pháp công nghệ thông tin, số hóa thông tin trong quản lý, nhằm bắt kịp xu thế phát triển công nghệ của đất nước;
 - Cùng cố và ổn định hoạt động các nhà máy điện:

- Nghiên cứu, sắp xếp và quản lý công nhân vận hành nhà máy một cách khoa học, hợp lý và tiết kiệm; đồng thời nêu cao tinh thần tuân thủ và chấp hành nội quy nhà máy, bên cạnh đó điều chỉnh các chế độ làm việc và đãi ngộ cho phù hợp với đặc điểm của đội ngũ công nhân vận hành, cũng như chính sách tiền lương, thưởng cho từng nhà máy;
 - Có kế hoạch mua sắm vật tư, phụ tùng thay thế để thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ cho từng nhà máy;
 - Có kế hoạch và tạo điều kiện học tập, tập huấn định kỳ, đào tạo nghiệp vụ cho công nhân vận hành của từng nhà máy.
- Công tác chuẩn bị cho việc khảo sát đầu tư, và triển khai thực hiện các dự án mới: Mặc dù quy hoạch điện VIII vẫn đang trong quá trình điều chỉnh, chờ phê duyệt, song với tinh thần chủ động, HĐQT tiếp tục công tác chuẩn bị cho hoạt động đầu tư và triển khai các dự án mới trong hơn 1 năm qua, các công việc cụ thể bao gồm:
 - Rà soát và thẩm định lại toàn bộ các dự án cũ đang xây dựng phương án chi tiết hoặc đang trong quá trình xin cấp phép;
 - Tìm kiếm và đánh giá tính khả thi của các dự án mới, dựa trên dự thảo của quy hoạch điện VIII và tiềm lực của Công ty;
 - Lựa chọn các dự án tiềm năng nhất, với phương án triển khai khả thi, làm cơ sở đề trình lên Đại hội đồng cổ đông gần nhất xem xét từng dự án và thông qua thực trạng từng dự án đang ở giai đoạn nào, để từ đó kiến nghị các giải pháp tiếp tục công tác chuẩn bị đầu tư đối với dự án khả thi nhất có thể, tạo tiền đề cho công tác chuẩn bị đầu tư và làm việc với chính quyền địa phương, EVN, Bộ Công thương, Chính phủ, đặc biệt là nguồn tài chính hỗ trợ cho công tác chuẩn bị này.

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(the list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies)*).

STT	Họ tên	Chức vụ trong HĐQT	Ghi chú
1	Trần Huy Thiệu	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành

2	Nguyễn Duy Hưng	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên điều hành
3	Vũ Xuân Hiểu	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên độc lập
4	Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
5	Nguyễn Thanh Hà	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
6	Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
7	Nguyễn Duy Viễn	Thành viên HĐQT	Thành viên độc lập
8	Trần Huyền Trang	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành

- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*).

Tiểu ban kiểm toán nội bộ với cơ cấu thành viên như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ trong HĐQT	Ghi chú
1	Vũ Xuân Hiểu	Trưởng ban	Thành viên HĐQT độc lập
2	Ngô Thị Anh Hương	Thành viên	Nhân viên

- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	10.01/2022/TTA/NQ-HĐQT	10/01/2022	Miễn nhiệm và bổ nhiệm vị trí giám đốc tại các nhà máy	100%
2	20.02/2022/TTA/NQ-HĐQT	20/02/2022	Liên doanh với các đối tác để nghiên cứu, xin cấp giấy phép đầu tư khu du lịch sinh thái ở Ninh Thuận	100%
3	04.03/2022/TTA/NQ-HĐQT	04/03/2022	Kế hoạch tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2022	100%

4	28.03/2022/TTA/NQ-HĐQT	28/03/2022	Phê duyệt quyết toán công trình và khấu hao cơ bản tài sản ở các nhà máy	100%
5	06.04/2022/TTA/NQ-HĐQT	06/04/2022	Thông qua các nội dung họp tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
6	12.04/2022/TTA/NQ-HĐQT	12/04/2022	Phương án khắc phục một số vấn đề tại công trình thủy điện Ngòi Hút 2	100%
7	04.05/2022/TTA/NQ-HĐQT	04/05/2022	Kế hoạch chi trả lợi nhuận hợp tác kinh doanh	100%
8	21.06/2022/TTA/NQ-HĐQT	21/06/2022	Triển khai đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để chi trả cổ tức năm 2021	100%
9	01.07/2022/TTA/NQ-HĐQT	01/07/2022	Thay thế Nghị định số 21.06/2022/TTA/NQ-HĐQT	100%
10	228/2022/TTA/NQ-HĐQT	15/07/2022	Chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2021	100%
11	20.09/2022/TTA/NQ-HĐQT	20/09/2022	Gian hạn thanh toán bộ chứng từ L/C dự án Điện mặt trời Hồ Núi Một 1	100%
12	13.12/2022/TTA/NQ-HĐQT	12/12/2022	Miễn nhiệm thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ	100%
13	13.12/2022/TTA/NQ-HĐQT	13/12/2022	Chuyển nhượng toàn bộ dự án thủy điện Nậm Búng	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of the Board of Directors' independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

Trong năm 2022, các thành viên hội đồng quản trị độc lập, kết hợp với tiểu ban kiểm toán nội bộ đã thực hiện các công việc sau:

- Rà soát và tư vấn độc lập các vấn đề liên quan tới hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp;
- Ra soát và hoàn thiện các quy trình quản trị nội bộ và quản trị rủi ro có sẵn và đề xuất thêm các quy trình hoặc chỉnh sửa khi thấy cần thiết nhằm đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao trong hoạt động của Công ty và vận hành của bộ máy quản lý;
- Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
- Xây dựng các kế hoạch thực hiện kiểm toán nội bộ định kỳ và bất thường, đưa ra các báo cáo và tư vấn cho ban lãnh đạo theo mục tiêu hoạt động đã được ĐHCĐ và HĐQT thông qua, đồng thời đề xuất các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ cho các khoảng thời gian như hằng tháng hoặc hằng quý, và xa hơn là cho các năm tiếp theo.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*The list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Chứng chỉ đào tạo
1	Trần Huyền Trang	Tổng giám đốc Thành viên HĐQT	Thạc sĩ quản trị kinh doanh

2. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/ *Members and structure of the Board of Supervisors/Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

STT	Họ tên	Chức vụ trong HĐQT
1	Kiều Thị Mỹ Hạnh	Trưởng ban kiểm soát
2	Thành Hồng Thắm	Thành viên
3	Hà Huyền Trang	Thành viên

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Activities of the Board of Supervisors/Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing*

activities of the Board of Supervisors/Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors'/Audit Committee's meetings, their contents and results).

Trong năm 2022, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành các hoạt động sau:

- Kiểm tra kiểm soát các hoạt động của Công ty trên cơ sở tuân thủ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và việc thực hiện các nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022;
- Rà soát tính hợp pháp của các văn bản pháp lý của Công ty như: Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế công bố thông tin, và cơ ý kiến với HĐQT về các văn bản pháp lý này;
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị với vai trò giám sát và đóng góp ý kiến cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Xem xét và đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của các nhà máy, đặc biệt là hoạt động của các nhà máy mới đi vào hoạt động trong thời gian cuối năm 2020 và đầu năm 2022 (nhà máy thủy điện Pá Hu, và nhà máy điện mặt trời Hồ Núi Một 1), trên cơ sở các báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty do Ban Tổng Giám đốc lập;
- Đề xuất với HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán và xem xét báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập;
- Giám sát định kỳ tình hình tài chính và hoạt động của Công ty: tính đến ngày 31/12/2022, Ban kiểm soát không phát hiện vấn đề bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/Audit Committee

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*).

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, cụ thể như sau:

Đơn vị tính giá trị: triệu đồng

STT	Chức danh	Thù lao theo tháng	Số lượng	Thù lao cả năm (trước thuế)	Thù lao cả năm (sau thuế)
A	HDQT			312	280,8
1	Chủ tịch HĐQT	5	1	60	54
2	Ủy viên HĐQT	3	7	252	226,8
B	BKS			96	86,4
	Trưởng BKS	4	1	48	43,2
	Thành viên BKS	2	2	48	43,2
	Tổng cộng			408	367,2

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders* : (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*): Không có/ Nil.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*:

Đơn vị tính giá trị: triệu đồng

STT	Người nội bộ và người có liên quan người nội bộ	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2022
1	Công ty TNHH đầu tư xây lắp Trường Thành	Chủ tịch HĐQT – ông Trần Huy Thiệu là thành viên góp vốn		
-	Thanh toán tiền theo hợp đồng xử lý sự cố		-	58
-	Thu hồi tiền chi hộ		1.490	-
-	Phải trả khối lượng công việc hoàn thành		2.703	-
-	Thanh toán khối lượng công việc hoàn thành thực hiện công việc theo hợp đồng xây dựng		17.916	-
-	Tạm ứng mua lại dự án thủy điện Suối Sập		40.500	-

- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Assessing the implementation of regulations on corporate governance*: nhìn chung, Công ty đã cơ bản thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty đại chúng, công ty nghiêm yết theo quy định của pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính/Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/ Audited financial statements.

Đính kèm theo báo cáo này.

Nơi nhận:

Recipients:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.
- Archived: ...

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL
REPRESENTATIVE**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)*


Trần Huy Thiệu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán	5-6
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	7-50
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>7-10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2022</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2022</i>	<i>12-13</i>
<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022</i>	<i>14-50</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103026597 lần đầu ngày 05 tháng 09 năm 2008, đăng kí thay đổi lần thứ 13 ngày 31/08/2022 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102899812 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 13 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do các thay đổi về người đại diện theo pháp luật, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, địa chỉ trụ sở chính và thông tin chi nhánh.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 13: 1.574.629.370.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
Điện thoại : 0293 897 359
Fax : 0293 897 359
Email : truongthanhdci@gmail.com
Mã số thuế : 0102899812

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng, sản xuất, vận hành công trình điện năng;
- Kinh doanh điện năng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu chính- viễn thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình năng lượng điện gió, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình đô thị và khu công nghiệp, trang trí nội thất;
- Xây dựng lắp đặt các công trình, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, trạm biến thế 35KV;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke);
- Sản xuất và mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, khai thác đá;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành tại Ninh Thuận	Lô 03, Dãy N2, Đường 16/4, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Mã số chi nhánh: 0102899812-003

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 50).

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành đang thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với tài sản và nợ phải trả của Ông Trần Huy Đức cho các đối tượng có liên quan.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Huy Thiệu	Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Hiểu	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Duy Hưng	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Duy Viễn	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên
Bà Trần Huyền Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Huyền Trang	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Kiều Thị Mỹ Hạnh	Trưởng ban
Bà Thành Hồng Thẩm	Thành viên
Bà Hà Huyền Trang	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Yên Bái, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Hưng

Số : 2906.02.02/2022/BCTC-NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023 từ trang 07 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		203.064.085.050	159.699.899.959
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	82.532.622.419	23.910.422.402
1. Tiền	111		82.532.622.419	23.910.422.402
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.863.070.794	117.524.036.190
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	68.242.327.282	59.874.896.470
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	45.577.291.611	53.688.790.798
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	5.043.451.901	3.960.348.922
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.668.391.837	18.265.441.367
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	1.643.426.690	12.610.108.782
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.965.147	5.655.332.585
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.393.559.156.031	4.593.922.207.859
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.240.290.844.108	4.435.236.049.078
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	4.240.143.117.208	4.435.088.322.178
<i>Nguyên giá</i>	222		5.055.677.710.378	5.044.663.343.303
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(815.534.593.170)	(609.575.021.125)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	147.726.900	147.726.900
<i>Nguyên giá</i>	228		147.726.900	147.726.900
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	45.742.613.523	41.846.615.423
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		45.742.613.523	41.846.615.423
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		107.367.506.880	116.700.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	115.500.000.000	115.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.9	(9.332.493.120)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.10	1.200.000.000	1.200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		158.191.520	139.543.358
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	158.191.520	139.543.358
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.596.623.241.081	4.753.622.107.818

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.681.227.669.549	2.993.654.974.270
I. Nợ ngắn hạn	310		404.805.731.851	426.140.968.558
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	2.478.197.420	10.813.830.817
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	36.859.120.014	25.434.780.174
4. Phải trả người lao động	314		4.524.745.099	1.691.202.568
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	13.140.579.203	15.479.746.692
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	41.679.181.187	19.194.696.495
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	292.905.477.598	346.189.634.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	13.218.431.330	7.337.077.812
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.276.421.937.698	2.567.514.005.712
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	267.510.689.621	375.051.600.231
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	125.307.948.000	125.307.948.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	1.883.603.300.077	2.067.154.457.481
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.915.395.571.532	1.759.967.133.548
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.915.395.571.532	1.759.967.133.548
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.574.629.370.000	1.457.999.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.574.629.370.000	1.457.999.040.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		340.766.201.532	301.968.093.548
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		177.461.117.830	187.357.331.582
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		163.305.083.702	114.610.761.966
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.596.623.241.081	4.753.622.107.818

Người lập biểu



Trần Thu Trà

Kế toán trưởng



Nguyễn Dũng Hoàng

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2023



Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	808.703.629.721	661.346.377.050
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		808.703.629.721	661.346.377.050
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	308.271.173.619	286.078.193.456
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		500.432.456.102	375.268.183.594
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	129.442.717	4.266.127.761
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	239.731.716.431	208.645.250.651
Trong đó: chi phí lãi vay	23		191.726.077.614	207.910.574.527
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	20.890.644.019	21.036.048.837
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		239.939.538.369	149.853.011.867
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.014.448	18.182.379
12. Chi phí khác	32	VI.7	20.133.782.592	7.724.958.628
13. Lợi nhuận khác	40		(20.132.768.144)	(7.706.776.249)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		219.806.770.225	142.146.235.618
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	14.822.505.336	8.754.731.008
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		204.984.264.889	133.391.504.610
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	968,52	677,84
19. Lãi cơ suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	968,52	677,84

Người lập biểu

Trần Thu Trà

Kế toán trưởng

Nguyễn Dũng Hoàng

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		219.806.770.225	142.146.235.618
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		205.959.572.045	206.365.591.731
- Các khoản dự phòng	03		9.332.493.120	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.188.526.493	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(129.442.717)	(104.012.408)
- Chi phí lãi vay	06		191.726.077.614	207.910.574.527
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		634.883.996.780	556.318.389.468
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.655.334.734	13.134.405.231
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(137.120.120.257)	(19.453.380.901)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.948.033.930	(12.547.966.578)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(193.159.354.000)	(203.272.561.823)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.610.160.806)	(8.111.855.581)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.995.292.200)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		308.602.438.181	326.067.029.816
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.274.367.075)	(289.086.485.462)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		129.442.717	104.012.408
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.144.924.358)	(288.982.473.054)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		148.299.598.445	315.667.649.603
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(385.134.912.251)	(332.847.519.953)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(236.835.313.806)	(17.179.870.350)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		58.622.200.017	19.904.686.412
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	23.910.422.402	4.005.735.990
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	82.532.622.419	23.910.422.402

Người lập biểu



Trần Thu Trà

Kế toán trưởng



Nguyễn Dũng Hoàng

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng, lắp đặt và thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh chính** :
 - Xây dựng, sản xuất, vận hành công trình điện năng;
 - Kinh doanh điện năng;
 - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu chính- viễn thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình năng lượng điện gió, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình đô thị và khu công nghiệp, trang trí nội thất;
 - Xây dựng lắp đặt các công trình, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, trạm biến thế 35KV;
 - Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke);
 - Sản xuất và mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
 - Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, khai thác đá;
 - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị

Địa chỉ

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành tại Ninh Thuận

Lô 03, Dãy N2, Đường 16/4, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận.

Mã số chi nhánh: 0102899812-003

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp:** Không có.
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021.
8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Doanh nghiệp có 132 nhân viên đang làm việc (số nhân viên làm việc ngày 1/1/2022 là 140 nhân viên)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Doanh nghiệp được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Trong Báo cáo tài chính riêng của Doanh nghiệp, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ..

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tỷ giá dùng để quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31/12/2022 là tỷ giá ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam : 23.685 VNĐ/USD.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc và thiết bị	05 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07
Tài sản cố định khác	20 - 25

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Doanh nghiệp bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 105/2009/BĐĐC tại địa chỉ thôn Nậm Cườm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp ngày 18 tháng 5 năm 2009. Thời hạn sử dụng là lâu dài nên không trích khấu hao.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành được hưởng ưu đãi thuế với các nội dung cụ thể như sau:

+ Các dự án Thủy điện Ngòi Hút 2A, thủy điện Pá Hu, Dự án Điện mặt trời Hồ Bầu Ngứ, Dự án Điện mặt trời Hồ Núi 1 là dự án đầu tư mới được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm. Miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- + Dự án Thủy điện Ngòi Hút 2 là dự án đầu tư mở rộng, theo đó dự án áp dụng thuế suất thuế phổ thông, miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- + Hoạt động khác chịu thuế suất 20%.

20. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	304.750.369	978.400.665
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	82.227.872.050	22.932.021.737
Cộng	<u>82.532.622.419</u>	<u>23.910.422.402</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	38.947.387.670	38.858.512.362
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam	29.294.939.612	21.016.384.108
Cộng	<u>68.242.327.282</u>	<u>59.874.896.470</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	<u>40.500.000.000</u>	<u>40.558.395.798</u>
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	40.500.000.000	40.558.395.798
Trả trước cho người bán khác	<u>5.077.291.611</u>	<u>13.130.395.000</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Bắc Á Hà Nội	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng hệ thống điện Bách Khoa	-	4.024.350.000
Các nhà cung cấp khác	3.077.291.611	7.106.045.000
Cộng	<u>45.577.291.611</u>	<u>53.688.790.798</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Phải thu khác ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	5.043.451.901	-	3.960.348.922	-
Phải thu thuế TNCN	3.952.357.288	-	3.952.357.288	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	142.914.116	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	948.180.497	-	-	-
	-	-	7.991.634	-
Cộng	5.043.451.901	-	3.960.348.922	-

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Nội dung	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng	191.165.800.000	95.800.550.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc	84.300.000.000	95.800.550.000
Ông Trần Huy Thiệu	2.859.000.000	-
Bà Trần Huyền Trang	104.006.800.000	-
Hoàn ứng	191.165.800.000	95.800.550.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc	84.300.000.000	95.800.550.000
Ông Trần Huy Thiệu	2.859.000.000	-
Bà Trần Huyền Trang	104.006.800.000	-

5. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	55.807.565	13.644.516
Chi phí bảo hiểm	-	610.009.724
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.587.619.125	11.986.454.542
Cộng	1.643.426.690	12.610.108.782

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	158.191.520	139.543.358
Cộng	158.191.520	139.543.358

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Bùng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	2.830.987.609.848	2.034.903.820.890	23.224.557.135	469.079.450	155.078.275.980	5.044.663.343.303
Đầu tư XD/CB hoàn thành	862.308.788	7.424.313.440	2.662.000.000	-	65.744.847	11.014.367.075
Số cuối năm	2.831.849.918.636	2.042.328.134.330	25.886.557.135	469.079.450	155.144.020.827	5.055.677.710.378
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	377.293.905	2.928.116.408	310.375.814	-	3.615.786.127
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	326.984.555.260	242.497.249.480	11.641.881.031	367.828.390	28.083.506.964	609.575.021.125
Khấu hao trong năm	93.462.457.976	102.897.018.125	2.210.767.381	42.052.727	7.347.275.836	205.959.572.045
Số cuối năm	420.447.013.236	345.394.267.605	13.852.648.412	409.881.117	35.430.782.800	815.534.593.170
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.504.003.054.588	1.792.406.571.410	11.582.676.104	101.251.060	126.994.769.016	4.435.088.322.178
Số cuối năm	2.411.402.905.400	1.696.933.866.725	12.033.908.723	59.198.333	119.713.238.027	4.240.143.117.208

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 5.029.322.073.793 VND và 4.228.050.010.152 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn; Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái; Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.

7. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị Quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 105/2009/BĐĐC tại địa chỉ thôn Nậm Cườm, xã Nậm Bùng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp ngày 18 tháng 5 năm 2009. Giá trị quyền sử dụng đất này đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	45.742.613.523	41.846.615.423
Mỏ sắt	-	904.001.900
Dự án Điện gió Tại Ninh Thuận	1.520.909.091	1.520.909.091
Thủy điện Nậm Búng	50.000.000	50.000.000
Thủy điện Nậm Cang 1A	687.336.442	687.336.442
Thủy điện tích năng Phước Hòa	42.802.663.794	38.002.663.794
Dự án Khu đô thị Dịch vụ Sinh thái phía Nam Sông Dinh	681.704.196	681.704.196
Cộng	45.742.613.523	41.846.615.423

9. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Là khoản Đầu tư vào Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh 4100440107 thay đổi lần 07 ngày 16 tháng 04 năm 2020.

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai (*)	115.500.000.000	(9.332.493.120)	115.500.000.000	-
Cộng	115.500.000.000	(9.332.493.120)	115.500.000.000	-

(*) Theo Quyết định Đại hội đồng cổ đông số 04/QĐ-HĐCĐ ngày 07 tháng 4 năm 2020, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai giảm từ 400 tỷ đồng xuống 330 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành nắm giữ 11.550.000 cổ phần tương ứng 115.500.000.000 (VND) chiếm 35% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai.

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Trái phiếu	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000

11. Phải trả người bán**a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	2.478.197.420	10.813.830.817
Công ty TNHH MTV thiết kế và chế tạo thiết bị điện	-	1.000.000.000
Công ty lưới điện Cao thế Miền Bắc	1.264.224.798	1.455.694.690
Công ty Cổ phần Công nghiệp Đại Dương	581.056.645	581.056.645
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Trường Thành	-	3.162.409.578
Công ty TNHH cơ khí Tín Phát	-	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Ngôi nhà Hoàn Hảo	-	1.400.000.000
Các nhà cung cấp khác	632.915.977	1.914.669.904
Cộng	2.478.197.420	10.813.830.817

b) Phải trả người bán dài hạn

Là khoản phải trả dài hạn GE Grid solutions, LLC theo Hợp đồng TTDC-GE-NUIMOT-290320 ngày 29/03/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Hoàn thuế kiểm bù trừ ngân sách	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.130.420.357	-	58.923.496.561	(63.883.744.771)	-	7.170.172.147	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	948.180.497	-	-	948.180.497	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	9.481.804.973	-	-	9.481.804.973	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.610.160.806	-	14.822.505.336	(7.610.160.806)	-	14.822.505.336	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.330.636.588	-	1.558.395.139	(2.644.357.306)	-	244.674.421	-
Thuế tài nguyên	1.266.615.983	-	33.616.961.794	(33.551.667.429)	-	1.331.910.348	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.096.946.440	-	18.001.358.112	(18.238.432.260)	-	2.859.872.292	-
Cộng	25.434.780.174	-	137.356.702.412	(125.932.362.572)	-	36.859.120.014	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Từ ngày 1/2/2022 Công ty áp dụng giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8% theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/1/2022.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành được hưởng ưu đãi thuế với các nội dung cụ thể như sau:

- + Các dự án Thủy điện Ngòi Hút 2A, thủy điện Pá Hu, Dự án Điện mặt trời Hồ Bàu Ngự, Dự án Điện mặt trời Hồ Núi 1 là dự án đầu tư mới được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm. Miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- + Dự án Thủy điện Ngòi Hút 2 là dự án đầu tư mở rộng, theo đó dự án áp dụng thuế suất thuế phổ thông, miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- + Hoạt động khác chịu thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	838.736.318	2.272.012.704
Chi phí gia hạn LC	7.592.842.884	-
Phí phát hành L/C dự án Hồ núi Một	-	2.366.000.000
Chi phí phải trả công trình xây dựng	4.709.000.001	10.841.733.988
Cộng	<u>13.140.579.203</u>	<u>15.479.746.692</u>

14. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	396.000.000
Thù lao HĐQT	-	396.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	41.679.181.187	18.798.696.495
Bảo hiểm xã hội	-	110.600.000
Bảo hiểm y tế	-	19.908.000
Bảo hiểm thất nghiệp	-	4.424.000
Phân chia lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	41.679.181.187	18.633.232.577
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	30.531.918
Cộng	<u>41.679.181.187</u>	<u>19.194.696.495</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

b) Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả Hợp tác kinh doanh Dự án Thủy điện Ngòi Hút 2; Dự án Thủy điện Ngòi Hút 2A; Dự án Nhà máy điện Mặt trời Hồ Bàu Ngự

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	4.500.000.000	4.500.000.000
Ông Nguyễn Duy Viễn (1)	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải trả Hợp tác kinh doanh	120.807.948.000	120.807.948.000
Ông Cao Đăng Kiều (2)	97.141.760.000	97.141.760.000
Ông Trâu Kiến Hoa (3)	5.555.388.000	5.555.388.000
Ông Daniel Triệu (4)	11.110.800.000	11.110.800.000
Ông Tô Thanh Hà (5)	4.000.000.000	4.000.000.000
Ông Phạm Mạnh Thắng (6)	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	125.307.948.000	125.307.948.000

(1) Là khoản phải trả Ông Nguyễn Duy Viễn theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể + Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 05/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó ông Nguyễn Duy Viễn góp 4.500.000.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Nguyễn Duy Viễn sẽ được hưởng 5,35% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(2) Là khoản phải trả Ông Cao Đăng Kiều theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể + Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 07/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Cao Đăng Kiều góp 77.386.200.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Cao Đăng Kiều sẽ được hưởng 20,44% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 + Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Cao Đăng Kiều góp 19.755.560.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Cao Đăng Kiều sẽ được hưởng 23,49% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(3) Là khoản phải trả Ông Trâu Kiến Hoa theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể + Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Trâu Kiến Hoa góp 4.890.800.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Trâu Kiến Hoa sẽ được hưởng 1,28% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 + Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 02/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Trâu Kiến Hoa góp 664.588.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Trâu Kiến Hoa sẽ được hưởng 0,79% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(4) Là khoản phải trả Ông Daniel Triệu theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể + Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 04/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Daniel Triệu góp 9.781.600.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Daniel Triệu sẽ được hưởng 2,59% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 + Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 03/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Daniel Triệu góp 1.329.200.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Daniel Triệu sẽ được hưởng 1,58 % lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(5) Là khoản phải trả Ông Tô Thanh Hà theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 08/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 02/04/2020. Theo đó Ông Tô Thanh Hà góp 4.000.000.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Tô Thanh Hà sẽ được hưởng 0,91 % lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(6) Là khoản phải trả Ông Phạm Mạnh Thắng theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể, Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 2007/2020/TTA-HTĐTBN ngày 20/07/2020. Theo đó Ông Phạm Mạnh Thắng góp 3.000.000.000 đồng vào Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Hồ Bàu Ngự. Ông Phạm Mạnh Thắng sẽ nhận được 0,51% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy điện Mặt trời Hồ Bàu Ngự.

15. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	14.718.510.780	14.718.510.780	31.000.000.000	31.000.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	14.718.510.780	14.718.510.780	31.000.000.000	31.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (1)	14.718.510.780	14.718.510.780	31.000.000.000	31.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	263.186.966.818	263.186.966.818	300.189.634.000	300.189.634.000
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2A (2)	19.330.000.000	19.330.000.000	17.500.000.000	17.500.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (3)	42.000.000.000	42.000.000.000	36.000.000.000	36.000.000.000
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái (4)	58.356.966.818	58.356.966.818	121.524.000.000	121.524.000.000
Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương - hợp đồng tín dụng số 01/2014/2548422 ngày 7/5/2014 (5)	-	-	13.165.634.000	13.165.634.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/6/2015 (6)	28.500.000.000	28.500.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (7)	96.000.000.000	96.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 (9)	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-
Cộng	292.905.477.598	292.905.477.598	346.189.634.000	346.189.634.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2022/2548422/HĐTD ngày 22/06/2022, hạn mức 31.000.000.000 VND bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, mở L/C, mục đích bổ sung vốn lưu động và mở L/C, thời gian cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án đầu tư xây dựng thủy điện Ngòi Hút 2 theo hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/HĐTCTS-NHPT ngày 10/03/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau :

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
<i>Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo</i>	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</i>	31.000.000.000	28.663.789.030	-	(44.945.278.250)	14.718.510.780
Vay ngắn hạn ngân hàng	31.000.000.000	28.663.789.030	-	(44.945.278.250)	14.718.510.780
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (1)	31.000.000.000	28.663.789.030	-	(44.945.278.250)	14.718.510.780
<i>Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng</i>	300.189.634.000	-	267.186.966.818	(304.189.634.000)	263.186.966.818
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (3)	17.500.000.000	-	19.330.000.000	(17.500.000.000)	19.330.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (3)	36.000.000.000	-	42.000.000.000	(36.000.000.000)	42.000.000.000
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái (4)	121.524.000.000	-	58.356.966.818	(121.524.000.000)	58.356.966.818
Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương - hợp đồng tín dụng số 01/2014/2548422 ngày 7/5/2014 (5)	13.165.634.000	-	-	(13.165.634.000)	-
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái - hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/6/2015 (6)	27.000.000.000	-	28.500.000.000	(27.000.000.000)	28.500.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái - hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (7)	85.000.000.000	-	96.000.000.000	(85.000.000.000)	96.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 (9)	-	-	23.000.000.000	(4.000.000.000)	19.000.000.000
Cộng	346.189.634.000	28.663.789.030	267.186.966.818	(349.134.912.250)	292.905.477.598

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo</i>	<i>139.250.977.715</i>	<i>139.250.977.715</i>	<i>139.250.977.715</i>	<i>139.250.977.715</i>
Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo	139.250.977.715	139.250.977.715	139.250.977.715	139.250.977.715
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>1.744.352.322.362</i>	<i>1.744.352.322.362</i>	<i>1.927.903.479.766</i>	<i>1.927.903.479.766</i>
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2A (2)	92.536.951.021	92.536.951.021	111.866.951.021	111.866.951.021
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (3)	524.600.000.000	524.600.000.000	566.600.000.000	566.600.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng Phát triển Yên Bái (4)	-	-	58.356.966.818	58.356.966.818
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/6/2015 (6)	-	-	28.500.000.000	28.500.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (7)	607.999.986.619	607.999.986.619	703.999.986.619	703.999.986.619
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 (8)	341.712.384.722	341.712.384.722	258.076.575.308	258.076.575.308
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam -hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 (9)	177.503.000.000	177.503.000.000	200.503.000.000	200.503.000.000
Cộng	1.883.603.300.077	1.883.603.300.077	2.067.154.457.481	2.067.154.457.481

(2) Là khoản Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 99-2015/HĐTD/SL-LA/NH2A ngày 15/6/2015, hạn mức cho vay là 134.000.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Ngòi Hút 2A, thời gian vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là quyền đối với vốn góp của các cổ đông của công ty căn cứ hợp đồng thế chấp số 01-2015 ngày 20/6/2015, giá trị tạm tính của tài sản đảm bảo này là 409.735.000.000 VND, hợp đồng bổ sung thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 02-2016/HĐSDBS ngày 01/9/2016, giá trị tài sản hình thành tạm tính là 256.165.000.000 VND. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-2016/HĐTD/SL-LA/NH2A ngày 01/9/2016, thay đổi hạn mức vay là 179.000.000.000 VND và phụ lục Kế hoạch trả nợ theo đó khoản vay được tất toán ngày 30/9/2027.

(3) Là khoản Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 02-2017/HĐTD/SL-LA ngày 10/10/2017, hạn mức vay 607.000.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Pá Hu, thời gian vay là 14 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị công trình dự án.

(4) Là khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 01/2011/HDDTDDDT-NHPT ngày 29/1/2011, mục đích đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị cho dự án "Đầu tư xây dựng thủy điện Ngòi Hút 2", tổng số tiền vay

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

622.868.000.0000 VND, hợp đồng sửa đổi hợp đồng tín dụng đầu tư số 02/2015/HDSDBS-NHPT ngày 06/08/2015, sửa đổi số tiền vay tối đa là 703.868.000.000 VND, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ gốc là 114 tháng, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2011/HĐTCTS-NHPT ngày 29/01/2011, hợp đồng sửa đổi bổ sung thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/HĐTCTS-NHPT ngày 18/7/2016, giá trị tài sản thế chấp xác định là 1.385.102.645.120 VND. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02/2016/HDSDBS-NHPT ngày 28/4/2016 sửa đổi bổ sung về mức trả nợ hàng năm theo đó khoản vay sẽ được tất toán vào Quý 2 năm 2023.

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTĐ ngày 19/6/2015 nhằm mục đích bổ sung đầu tư dự án thủy điện Ngòi Hút 2, số tiền vay 77.000.000.000 VND, thời hạn vay 120 tháng, tài sản thế chấp là TSCĐ hình thành sau dự án. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2016/2548422/HĐTĐ tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung kế hoạch trả nợ gốc và lãi, theo đó khoản vay này sẽ được tất toán vào ngày 19/6/2023.

(7) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTĐ ngày 6/8/2018 nhằm mục đích đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngừ do bên vay làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 1.426.050.000.000 VND, tổng số tiền gốc tối đa 914.000.000.000 VND nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư dự án, thời hạn vay là 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành sau dự án căn cứ hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2018/2548422 ngày 06/8/2018 và hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số 03/2018/2548422/HĐTĐ ngày 06/8/2018

(8) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTĐ ngày 17/6/2020 nhằm mục đích đầu tư Trang trại điện mặt trời Hồ Núi Một 1 do bên vay làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 1.036.000.000.000 VND, tổng số tiền gốc tối đa 648.000.000.000 VND nhưng không vượt quá 69% tổng mức đầu tư dự án, thời hạn vay là 156 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất (trường hợp được pháp luật cho phép) và các bất động sản khác của Dự Án, Các Công Trình Dự Án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, các Tài Khoản, các quyền tài sản (kể cả quyền theo các Chấp Thuận) và các quyền theo các hợp đồng (kể cả quyền theo các Văn Kiện Dự Án: quyền khai thác tài nguyên, quyền thụ hưởng từ Hợp đồng bảo hiểm, Hợp đồng bán điện) (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Bên Vay liên quan đến Dự Án theo Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản; Hợp đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản của Dự Án. Bên vay thế chấp tài sản đảm bảo khác ngoài tài sản hình thành từ vốn vay là 50% giá trị dự án nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành được Ngân hàng VDB chi nhánh Yên Bái và BIDV tài trợ vốn (trong đó: Bảo đảm cho toàn bộ dư nợ của dự án thủy điện Ngòi Hút 2 tại BIDV (BIDV Chi nhánh Chương Dương và BIDV Chi nhánh Yên Bái) bảo đảm cho dự án điện mặt trời hồ Bầu Ngừ khoảng 115 tỷ; bảo đảm cho dự án điện mặt trời Hồ Núi Một 1 tối thiểu 210 tỷ đồng). Bảo đảm bằng các quyền phát sinh từ Dự án: quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất, quyền thụ hưởng bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 nhằm mục đích cho vay vốn tự có hình thành nên tài sản là Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 do bên vay làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 200.503.000.000 VND, thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất (trường hợp được pháp luật cho phép) và các bất động sản khác của Dự Án, Các Công Trình Dự Án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, Các Tài Khoản, các quyền tài sản (kể cả quyền theo các Chấp Thuận) và các quyền theo các hợp đồng (kể cả quyền theo các Văn Kiện Dự Án: quyền khai thác tài nguyên, quyền thụ hưởng từ Hợp đồng bảo hiểm, Hợp đồng bán điện) (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Bên Vay liên quan đến Dự Án theo Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản; Hợp đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản của Dự Án. Bên vay thế chấp tài sản đảm bảo là 32% giá trị dự án nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành được Ngân hàng VDB chi nhánh Yên Bái và 68% giá trị dự án cho Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo	139.250.977.715	-	-	-	139.250.977.715
Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo	139.250.977.715	-	-	-	139.250.977.715
Vay dài hạn ngân hàng	1.927.903.479.766	119.635.809.415	(36.000.000.001)	(267.186.966.818)	1.744.352.322.362
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Thủy điện Ngòi hút 2A (2)	111.866.951.021	-	-	(19.330.000.000)	92.536.951.021
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (3)	566.600.000.000	-	-	(42.000.000.000)	524.600.000.000
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái (4)	58.356.966.818	-	-	(58.356.966.818)	-
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/6/2015 (6)	28.500.000.000	-	-	(28.500.000.000)	-
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (7)	703.999.986.619	-	-	(96.000.000.000)	607.999.986.619
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 (8)	258.076.575.308	119.635.809.415	(36.000.000.001)	-	341.712.384.722
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam -hợp đồng tín dụng số 01/2021/2548422/HĐTD ngày 02/11/2021 (9)	200.503.000.000	-	-	(23.000.000.000)	177.503.000.000
Cộng	2.067.154.457.481	119.635.809.415	(36.000.000.001)	(267.186.966.818)	1.883.603.300.077

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3.168.538.906	3.438.322.859	(995.292.200)	5.611.569.565
Quỹ phúc lợi	3.168.538.906	3.438.322.859	-	6.606.861.765
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.000.000.000	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000
Cộng	7.337.077.812	7.876.645.718	(1.995.292.200)	13.218.431.330

17. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>LNST chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	1.350.000.000.000	302.693.449.394	1.652.693.449.394
Tăng vốn	107.999.040.000	(107.999.040.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	133.391.504.610	133.391.504.610
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(6.337.077.812)	(6.337.077.812)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Phân chia lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	-	(18.780.742.644)	(18.780.742.644)
Số dư cuối năm trước	1.457.999.040.000	301.968.093.548	1.759.967.133.548
Số dư đầu năm nay	1.457.999.040.000	301.968.093.548	1.759.967.133.548
Tăng vốn (*)	116.630.330.000	(116.630.330.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	204.984.264.889	204.984.264.889
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(6.876.645.718)	(6.876.645.718)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Phân chia lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	-	(41.679.181.187)	(41.679.181.187)
Số dư cuối năm nay	1.574.629.370.000	340.766.201.532	1.915.395.571.532

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 28.04/2022/TTA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2021 như sau:

+ Quỹ khen thưởng 3% của lợi nhuận sau thuế năm 2021 tương ứng 3.438.322.859 VND.

+ Quỹ phúc lợi 3% của lợi nhuận sau thuế năm 2021 tương ứng 3.438.322.859 VND.

+ Quỹ khen thưởng ban điều hành số tiền 1.000.000.000 VND.

+ Công ty Đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 8%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Ông Trần Huy Đức	366.249.600.000	23,26%	339.120.000.000	23,26%
Ông Trần Huy Thiệu	102.643.200.000	6,52%	95.040.000.000	6,52%
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	372.081.600.000	23,63%	344.520.000.000	23,63%
Bà Nguyễn Thị Ngọc	183.124.800.000	11,63%	169.560.000.000	11,63%
Các cổ đông khác	550.530.170.000	34,96%	509.759.040.000	34,96%
Cộng	1.574.629.370.000	100,00%	1.457.999.040.000	100,00%

c) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	157.462.937	145.799.904
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	157.462.937	145.799.904
- Cổ phiếu phổ thông	157.462.937	145.799.904
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	157.462.937	145.799.904
- Cổ phiếu phổ thông	157.462.937	145.799.904
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại	-	-
Dollar Mỹ (USD)	93,41	73,21

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	2.019.870.488	2.019.870.488

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	757.319.309.815	627.644.265.465
Doanh thu thuế, phí liên quan hoạt động bán điện	51.384.319.906	33.201.202.494
Doanh thu khác	-	500.909.091
Cộng	808.703.629.721	661.346.377.050

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn điện	256.886.853.713	252.376.081.871
Giá vốn thuế, phí liên quan hoạt động bán điện	51.384.319.906	33.201.202.494
Giá vốn khác	-	500.909.091
Cộng	<u>308.271.173.619</u>	<u>286.078.193.456</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	129.442.717	104.012.408
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	405.065.353
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	3.757.050.000
Cộng	<u>129.442.717</u>	<u>4.266.127.761</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	191.726.077.614	207.910.574.527
Chi phí trả chậm	16.732.857.375	729.184.706
Phí phát hành L/C dự án Hồ núi Một	9.845.389.517	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.906.372.312	5.491.418
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.188.526.493	-
Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết	9.332.493.120	-
Cộng	<u>239.731.716.431</u>	<u>208.645.250.651</u>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.229.162.649	8.655.224.404
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.281.422.926	1.192.175.612
Thuế, phí và lệ phí	412.863.646	1.033.118.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.453.636	650.881.013
Các chi phí khác	9.948.741.162	9.504.648.821
Cộng	<u>20.890.644.019</u>	<u>21.036.048.837</u>
6. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ	-	18.182.379
Thu nhập khác	1.014.448	-
Cộng	<u>1.014.448</u>	<u>18.182.379</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản chi ủng hộ	7.065.864.840	-
Phạt thuế	10.019.852.042	1.935.336.426
Chi phí khấu hao không được trừ	1.144.922.903	1.085.685.000
Chi phí khác	1.903.142.807	4.703.937.202
Cộng	<u>20.133.782.592</u>	<u>7.724.958.628</u>

8. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	219.806.770.225	142.146.235.618
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	45.208.296.165	58.660.855.295
<i>Các khoản phạt vi phạm thuế</i>	<i>10.019.852.042</i>	<i>1.935.336.426</i>
<i>Chi phí khấu hao không được trừ</i>	<i>1.144.922.903</i>	<i>1.085.685.000</i>
<i>Chi phí lãi vay không được trừ</i>	<i>25.074.513.573</i>	<i>58.213.351.414</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>8.969.007.647</i>	<i>4.703.937.202</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(7.277.454.747)
<i>Lãi được trừ chuyển sang</i>	<i>-</i>	<i>(7.277.454.747)</i>
Thu nhập chịu thuế	<u>265.015.066.390</u>	<u>200.807.090.913</u>
Thu nhập chịu thuế của Hoạt động chịu thuế suất 10%	16.915.075.261	9.638.823.339
Thu nhập chịu thuế của Hoạt động chịu thuế suất 20%	139.767.515.731	71.282.196.394
Thu nhập được miễn thuế	108.332.475.398	119.886.071.180
Thu nhập tính thuế	<u>156.682.590.992</u>	<u>80.921.019.733</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	<i>27.953.503.146</i>	<i>14.256.439.279</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	<i>1.691.507.526</i>	<i>963.882.334</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	<i>(14.822.505.336)</i>	<i>(7.610.160.807)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>14.822.505.336</u>	<u>7.610.160.806</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	<i>1.144.570.202</i>
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>14.822.505.336</u>	<u>8.754.731.008</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	204.984.264.889	133.391.504.610
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Chi trả lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	(52.477.486.209)	(26.657.388.362)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(41.679.181.187)	(18.780.742.644)
	(10.798.305.022)	(7.876.645.718)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	152.506.778.680	106.734.116.248
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	157.462.937	157.462.937
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	968,52	677,84

(*) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 28.04/2022/TTA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 được điều chỉnh khi xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay tạm tính theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2021 (6% lợi nhuận sau thuế trích quỹ khen thưởng phúc lợi) và trích 1 tỷ đồng quỹ khen thưởng ban lãnh đạo.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	145.799.904	145.799.904
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.663.033	11.663.033
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	157.462.937	157.462.937

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	26.099.152.718	23.234.492.578
Chi phí khấu hao tài sản cố định	205.959.572.045	206.365.591.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.653.271.634	2.141.156.454
Chi phí khác	95.594.744.144	75.373.001.530
Cộng	330.306.740.541	307.114.242.293

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo:*

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ban Lãnh đạo			
Ông Trần Huy Thiệu	Chủ tịch HĐQT	532.122.500	-
Ông Vũ Xuân Hiếu	Phó chủ tịch HĐQT	272.839.450	-
Ông Nguyễn Duy Hưng	Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	450.517.600	479.934.000
Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	384.866.550	373.328.100
Bà Trần Huyền Trang	Phó Tổng Giám đốc	392.786.550	296.532.000
Ông Nguyễn Văn Trường	Phó Tổng Giám đốc	423.196.750	200.030.485
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên HĐQT	377.000.000	-

Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát:

	Năm nay	Năm trước
HĐQT		
Ông Trần Huy Thiệu	54.000.000	54.000.000
Ông Vũ Xuân Hiếu	32.400.000	32.400.000
Ông Nguyễn Duy Hưng	32.400.000	32.400.000
Ông Nguyễn Thanh Hà	32.400.000	32.400.000
Ông Nguyễn Duy Viễn	32.400.000	32.400.000
Ông Nguyễn Văn Trường	32.400.000	21.600.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc	32.400.000	21.600.000
Bà Trần Huyền Trang	32.400.000	21.600.000
Ban Kiểm soát		
Bà Kiều Thị Mỹ Hạnh	43.200.000	28.800.000
Bà Thành Hồng Thẩm	21.600.000	14.400.000
Bà Hà Huyền Trang	21.600.000	14.400.000

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phải trả thù lao HĐQT	408.000.000	396.000.000
Trả thù lao HĐQT	804.000.000	396.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.14 và V.15.

B. Giao dịch với bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	+ Giám đốc công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành + Giám đốc công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành + Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	đựng và Phát triển Trường Thành là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành + Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
Công ty TNHH đầu tư xây lắp Trường Thành	+ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành là thành viên góp vốn của công ty TNHH Đầu tư xây lắp Trường Thành
Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai	+ Công ty cổ phần Phong điện Phương mai là công ty liên kết của công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và phát triển Trường Thành

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành		
Thanh toán tiền theo hợp đồng xử lý sự cố	58.395.798	-
Thu hồi tiền chi hộ	-	1.490.699.845
Phải trả khối lượng công việc hoàn thành	-	2.703.109.000
Thanh toán khối lượng công việc hoàn thành thực hiện công việc theo Hợp đồng xây dựng	-	17.916.538.135
Tạm ứng mua lại dự án thủy điện Suối Sập	-	40.500.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V3.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Khu vực địa lý

Công ty có các khu vực kinh doanh chính sau:

- Khu vực Yên Bái
- Khu vực Ninh Thuận

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Kinh doanh điện, chuyển nhượng đường dây điện
- Lĩnh vực khác: Bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí khách hàng của Doanh nghiệp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Bùng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Khu vực Yên Bái	Khu vực Ninh Thuận	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	474.410.984.038	334.292.645.683	-	808.703.629.721
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	474.410.984.038	334.292.645.683	-	808.703.629.721
Chi phí bộ phận	168.455.148.637	139.816.024.982	-	308.271.173.619
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	305.955.835.401	194.476.620.701	-	500.432.456.102
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(20.890.644.019)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				479.541.812.083
Doanh thu hoạt động tài chính				129.442.717
Chi phí tài chính				(239.731.716.431)
Thu nhập khác				1.014.448
Chi phí khác				(20.133.782.592)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(14.822.505.336)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				204.984.264.889
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	16.009.685.258	-	16.009.685.258
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	92.940.086.300	113.075.260.570	-	206.015.346.870

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Số cuối năm	Khu vực Ninh Thuận		
	Khu vực Yên Bái	Thuận	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.390.112.588.919	2.058.450.225.190	(1.851.939.573.028) 4.596.623.241.081
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Tổng tài sản	4.390.112.588.919	2.058.450.225.190	(1.851.939.573.028) 4.596.623.241.081
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.633.174.131.074	1.899.993.111.503	(1.851.939.573.028) 2.681.227.669.549
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Tổng nợ phải trả	2.633.174.131.074	1.899.993.111.503	(1.851.939.573.028) 2.681.227.669.549

Lĩnh vực kinh doanh

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực kinh doanh điện	808.703.629.721	660.845.467.959
Lĩnh vực khác	-	500.909.091
Cộng	808.703.629.721	661.346.377.050

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	292.905.477.598	1.224.526.966.818	659.076.333.259	2.176.508.777.675
Phải trả người bán	2.478.197.420	267.510.689.621	-	269.988.887.041
Các khoản phải trả khác	59.344.505.489	125.307.948.000	-	184.652.453.489
Cộng	354.728.180.507	1.617.345.604.439	659.076.333.259	2.631.150.118.205
Số đầu năm				
Vay và nợ	346.189.634.000	1.224.526.966.818	842.627.490.663	2.413.344.091.481
Phải trả người bán	10.813.830.817	375.051.600.231	-	385.865.431.048
Các khoản phải trả khác	36.365.645.755	125.307.948.000	-	161.673.593.755
Cộng	393.369.110.572	1.724.886.515.049	842.627.490.663	2.960.883.116.284

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.532.622.419	23.910.422.402	82.532.622.419	23.910.422.402
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Phải thu khách hàng	68.242.327.282	59.874.896.470	68.242.327.282	59.874.896.470
Các khoản phải thu khác	5.043.451.901	3.960.348.922	5.043.451.901	3.960.348.922
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	106.167.506.880	115.500.000.000	106.167.506.880	115.500.000.000
Cộng	263.185.908.482	204.445.667.794	263.185.908.482	204.445.667.794
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	2.176.508.777.675	2.413.344.091.481	2.176.508.777.675	2.413.344.091.481
Phải trả người bán	269.988.887.041	385.865.431.048	269.988.887.041	385.865.431.048
Các khoản phải trả khác	184.652.453.489	161.673.593.755	184.652.453.489	161.673.593.755
Cộng	2.631.150.118.205	2.960.883.116.284	2.631.150.118.205	2.960.883.116.284

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành đang thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với các khoản vốn góp và nợ phải trả của Ông Trần Huy Đức cho các đối tượng có liên quan.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.